



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

LAM SON SUGAR CANE JOINT STOCK CORPORATION



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2013

MỤC LỤC



THÔNGIỆP

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

TỔNG QUAN CÔNG TY

Giới thiệu chung

Quá trình hình thành và phát triển

Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi

Điểm nhấn năm 2013

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Mô hình quản trị

Sơ đồ tổ chức

Giới thiệu HĐQT

Giới thiệu Ban kiểm soát

Giới thiệu Ban điều hành

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Các rủi ro

Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển 2014-2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư các dự án

Tình hình tài chính

Nguồn nhân lực

Hoạt động của của HĐQT

Báo cáo của Ban kiểm soát

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT-BKS-BĐH

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng CP

Danh sách cổ đông nội bộ

THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

Công ty liên kết

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2013

Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của Công ty mẹ

Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất

Trang

3

3

5

5

6

7

9

14

14

15

16

19

20

22

22

22

23

25

25

25

26

27

29

31

32

33

33

34

34

35

35

38

40

41

50

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ***Quý cổ đông, nhà đầu tư cùng các đối tác kính mến!***

Tôi trân trọng gửi lời tri ân chân thành và tình cảm quý trọng nhất tới tất cả Quý vị đã đồng hành, chia sẻ cùng chúng tôi trong thời buổi đầy khó khăn của thị trường với các biến động lớn trên thế giới & trong nước- nhất là đối với ngành Công nghiệp Mía Đường lại thêm một năm nữa bộc lộ những thách thức mới- ***Giá đường giảm sâu, nạn đường lậu gia tăng, thời tiết diễn biến phức tạp...***

Năm 2013- Trong bối cảnh những khó khăn ấy, LASUCO vẫn đứng vững và dành được những kết quả đáng khích lệ, tạo được những cơ sở vững chắc để vượt lên trong bước đường phát triển, hội nhập, đó là:

Thứ nhất, năm 2013 sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển(Doanh số tăng 6.6%, lợi nhuận trước thuế tăng 29.3%, cổ tức tăng 22.22%, nộp ngân sách tăng 23,3%); *Đây cũng là năm thứ 7 liên tiếp LASUCO tiếp tục nằm trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam(VNR 500) và năm thứ 4 nằm trong Top V1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam được vinh danh; Hai dự án đầu tư xây dựng 2011-2012 - Mở rộng nâng công suất nhà máy 2 lên 8000 tấn/ngày và dự án Nhà máy đồng phát điện bằng năng lượng tái tạo đã đi vào hoạt động ổn định & phát huy hiệu quả: Năng suất tăng 52%, tiêu hao nguyên liệu giảm, thu hồi tăng, chất lượng sản phẩm tăng được người tiêu dùng bình chọn sản phẩm chất lượng cao.*

Thứ 2, năm 2013 vùng nguyên liệu đã được tổ chức và quản lý theo phương thức mới gắn với người trồng mía hơn. *Thành lập mới thêm 10 xí nghiệp Nguyên liệu (XNNL) nâng tổng số XNNL lên 13 xí nghiệp và 3 Công ty nông nghiệp cùng với câu lạc bộ những người sản xuất lớn & Hiệp hội mía đường Lam Sơn đang là những nhân tố tích cực trong chiến lược phát triển vùng nguyên liệu theo hướng tập trung, quy mô lớn, cơ giới hoá và ứng dụng công nghệ cao, hạ giá thành, tăng nhanh năng lực cạnh tranh cho cây mía.*

Thứ 3, năm 2013 là một năm tập trung thực hiện tái cấu trúc tài chính mạnh mẽ nhất, đã thoái vốn đầu tư tài chính giảm 30%; công nợ phải thu tiết giảm 47%, nợ vay Ngân hàng giảm 42% so với

đầu năm. Đây cũng là năm thực hành tiết kiệm giảm chi phí triệt để trong mọi hoạt động. Sản lượng bán hàng tăng 18%- 26% nhưng giá vốn bán hàng chỉ tăng 2%, chi phí lãi vay ngân hàng giảm 7%. So với kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua đầu năm 2013: Giá vốn giảm 8%, chi phí quản lý giảm 39%, chi phí bán hàng giảm 48% góp phần bảo đảm tài chính lành mạnh và ổn định sản xuất kinh doanh.

Thứ 4, năm 2013 cũng là năm thực hiện dự án “**Tái cấu trúc bộ máy tổ chức quản trị, điều hành và quản lý**” đạt kết quả bước đầu: Bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ gắn với liền với sản xuất hơn, kỷ cương, hiệu lực thông suốt hơn- Tinh giảm hơn 15% nhân sự; Công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ được quan tâm- gần 100 lượt cán bộ Quản lý được gửi đi đào tạo nguồn & kế cận, nguồn nhân lực đã được đánh giá lại.

Thứ 5, Trung tâm nghiên cứu và phát triển(R & D) với quy mô hơn 100 ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thanh hoá cấp quyền sử dụng đất 70 năm và ưu đãi đầu tư, đã đi vào sản xuất bắt đầu cho sản phẩm; Văn phòng xúc tiến hợp tác **LASUCO- GIZEF**(Tổ chức chuyển giao công nghệ cao - tỉnh Mitttensachen, **CHLB Đức**) đã được thành lập và đi vào hoạt động- Hiện đang xúc tiến nghiên cứu & hợp tác triển khai các dự án “*Khai thác & tận dụng các phụ phẩm mía đường*” nhằm mở mang SXKD nâng cao năng lực cạnh tranh của LASUCO trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Đây là các nhân tố mở ra triển vọng mới cho LASUCO.

Tuy nhiên- đối chiếu với Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên thông qua năm 2013 thì chỉ tiêu về doanh số và lợi nhuận tuy có tăng hơn năm trước nhưng không đạt mục tiêu kỳ vọng mà ĐHĐCĐ đã giao. Chúng tôi cũng đã tự nhận thức được trách nhiệm và đưa ra những giải pháp mới tập trung cao hơn phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ KH 2014(đã được trình tại ĐHĐCĐ thường niên lần này) để nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo chuyển biến mới cho những năm tiếp theo.

Thưa Quý vị!

Năm 2014 được coi là năm có nhiều triển vọng khởi sắc của nền kinh tế trong nước nhưng theo dự báo **Ngành đường vẫn trong tình trạng yếu thế cạnh tranh nhất**. Đầu vào của Công nghiệp mía đường gắn với nông nghiệp trong khi giá thu mua mía của Việt Nam đang cao hơn giá thu mua mía của Thái Lan 40%. Cung vẫn đang vượt cầu, đường lậu vẫn là vấn nạn trầm kha; Diện tích nguyên liệu trong vùng đang sụt giảm bởi quy hoạch của tỉnh cho Khu công nghiệp CNC, bò sữa của Vinamilk, nhà máy bột sắn...đang là những thách thức lớn với LASUCO.

Kính thưa Quý vị!

Với những gì đã kinh qua sau hơn 1/3 thế kỷ với các thành công & chưa thành công mà ta đã trải qua đặc biệt với cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến cùng đội ngũ kỹ thuật, lao động lành nghề, gắn bó tâm huyết với LASUCO cùng các mối quan hệ trực tiếp & gián tiếp trong và ngoài nước mà LASUCO đã dày công tạo dựng là nguồn tài sản quý giá, là nguồn lực to lớn hậu thuẫn tạo sức mạnh để chúng ta vững tin vượt qua mọi thách thức, khó khăn vươn lên hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm 2014- chuẩn bị cho bước phát triển mới cao hơn trong những năm tiếp theo, **chào đón LASUCO tròn 35 tuổi vào năm 2015.**

Rất mong được Quý cổ đông, Nhà đầu tư các Đối tác quan tâm, hợp tác đưa LASUCO tiếp tục phát triển bền vững vì cộng đồng.

Trân trọng!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**ANH HÙNG LAO ĐỘNG
LÊ VĂN TAM**

TỔNG QUAN CÔNG TY

Giới thiệu chung

Tên Công ty

Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Tên tiếng Anh: Lam Son sugar cane Joint Stock Corporation
Tên giao dịch: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Tên viết tắt: LASUCO
Mã giao dịch: LSS

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.

Vốn Chủ sở hữu: 1.286.310.197.878 đồng.

Ngày thành lập

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn thành lập ngày 06 tháng 12 năm 1999 do Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển đổi từ Công ty đường Lam Sơn. Tiền thân là Nhà máy đường Lam Sơn được thành lập ngày 31/03/1980.

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam

Giấy CNĐKKD: 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/12/1999, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 08/06/2011.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Thông tin liên lạc

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá
Điện thoại: 0373.834.091
Fax: 0373.834.092
E-mail: lasuco@hn.vnn.vn
Website: www.lasuco.vn, www.lasuco.com.vn
Biểu tượng của Công ty:





Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 12/01/1980

Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 24/TTg phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn; Công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp cung cấp;

Ngày 28/04/1984

Bộ Trưởng Bộ Công nghệ Thực phẩm (nay là Bộ NN & PTNT) ký quyết định số 24/CNTP-TCCB thành lập Nhà máy Đường Lam Sơn.

Ngày 02/11/1986

Nhà máy đường Lam Sơn đi vào sản xuất vụ đầu tiên.

Ngày 08/11/1994

Bộ Trưởng Bộ NN & PTNN ký quyết định số 14/NN/TCCB đổi tên Nhà máy đường Lam Sơn thành Công ty Đường Lam Sơn.

Tháng 10/1995

Thành lập Hiệp hội Mía đường Lam Sơn trong đó Công ty Đường Lam Sơn giữ vai trò thành viên sáng lập. Hiệp hội là đầu mối giữa Doanh nghiệp-Nông dân-Trí thức, nơi gìn giữ lòng tin của bà con nông dân để hỗ trợ, thúc đẩy các chương trình trồng trọt, nhân giống, mở rộng vùng nguyên liệu mía cho nhà máy.

Ngày 21/10/1996

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư Dự án Nhà máy đường Số II theo quyết định số 775/TTg với tổng mức đầu tư 451,098 tỷ đồng. Vụ 1998 - 1999 dự án đã đi vào hoạt động đưa năng lực sản xuất của Công ty lên 6.500 TMN, gấp 2,6 lần trước đầu tư.

Năm 1999

Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 1133/QĐ-TTg chuyển Công ty đường Lam Sơn thành Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn. Vốn điều lệ 150 tỷ đồng với thí điểm mô hình bán cổ phần ưu đãi cho người trồng mía. Từ ngày 01/01/2000 Công ty hoạt động theo luật Doanh nghiệp.

Năm 2004

đưa dự án Nhà máy Cồn số 2 công suất 25 triệu lít/năm với tổng mức đầu tư 163 tỷ đồng vào sản xuất, sau gần một năm xây dựng, lắp đặt.

Ngày 09/01/2008

Cổ phiếu mã LSS của LASUCO chính thức được niêm yết và giao dịch tại sàn chứng khoán HOSE theo quyết định chấp thuận số 182/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ngày 08/03/2012

Công ty hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án nâng công suất Nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TMN với công nghệ tiên tiến gắn với Nhà máy điện 12,5MW, đưa tổng công suất toàn Công ty lên 10.500 TMN.





Tầm nhìn

Xây dựng và phát triển LASUCO thành một doanh nghiệp **Xanh bền vững** đủ sức cạnh tranh và hội nhập trong nước và quốc tế.

Sứ mệnh

- “Hợp tác phát triển bền vững – vì cộng đồng”; mang lại lợi ích cho Cộng đồng, cho Cổ đông, Nhà đầu tư, Người trồng mía, Người lao động, bảo đảm giải quyết hài hòa các mối quan hệ, có tinh thần trách nhiệm cao với xã hội và môi trường.

- Xây dựng, phát triển và tôn vinh Thương hiệu Lasuco thành một thương hiệu mạnh, uy tín trong nước và nước ngoài.

- Tạo ra một lực lượng lao động trí thức trẻ năng động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có tâm, có tầm để xây dựng doanh nghiệp ngày càng giàu mạnh và phát triển ổn định, bền vững.

- Tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần tương thân tương ái và trách nhiệm công dân đối với đất nước.

Giá trị cốt lõi

- Chất lượng - uy tín - hiệu quả: lấy chất lượng là hàng đầu, luôn uy tín trong mọi cam kết, lấy thước đo hiệu quả trong mọi công việc.

- Trách nhiệm - thân thiện - bền vững: giữ trách nhiệm đến cùng, luôn tạo quan hệ thân thiện nhân văn, xây dựng bền vững các mối quan hệ trên cơ sở cùng có lợi.

- Tự chủ - năng động - sáng tạo: luôn tự chủ trong mọi công việc, phản ứng linh hoạt, năng động và luôn sáng tạo trong mọi tình huống, mọi thử thách, mọi khó khăn để đạt mục tiêu cuối cùng đã cam kết.



Ngành nghề kinh doanh:

- Công nghiệp đường, cồn, điện, nước uống có cồn và không có cồn. Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc. Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm. Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống. Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị. Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.
- Kinh doanh các ngành nghề không bị pháp luật nghiêm cấm

Địa bàn kinh doanh của Công ty:

Chủ yếu thị trường trong nước, từng bước phát triển thị trường các nước trong khu vực và thế giới.

Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Xây dựng và phát triển LASUCO thành DOANH NGHIỆP XANH bền vững mang lại lợi ích cho cổ đông, nhà đầu tư, người trồng mía và người lao động. Giải quyết hài hòa các mối lợi ích. Có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- Tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

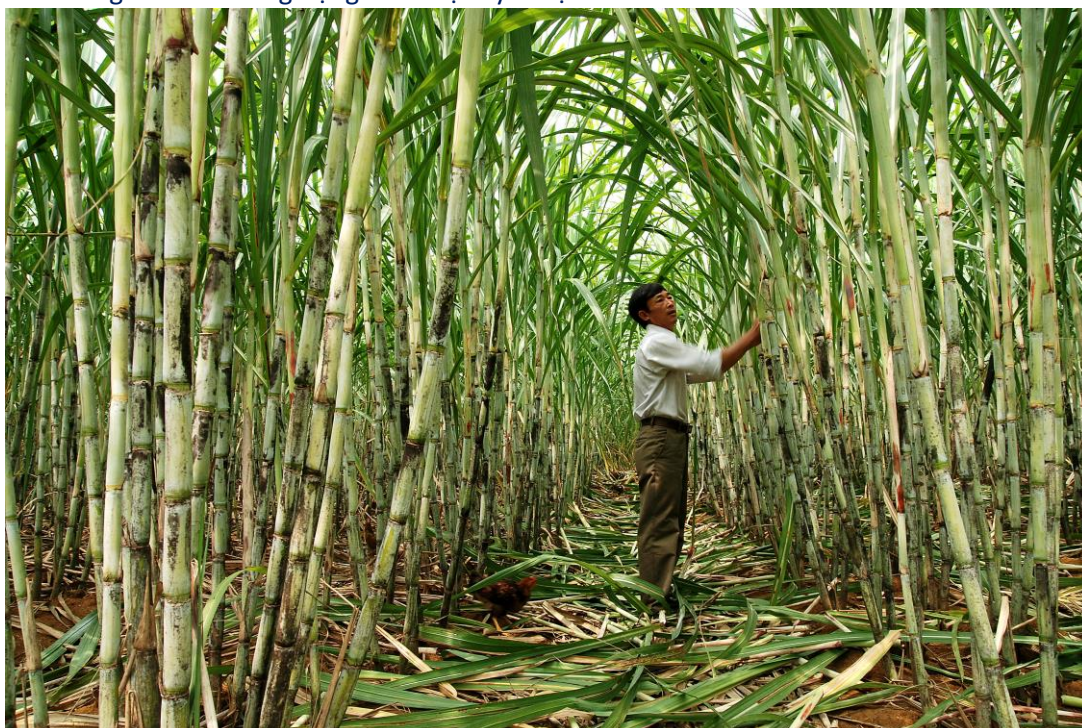


**Điểm nhấn năm 2013****1**

Vụ ép 2012-2013 và 2013-2014 thiết bị nhà máy đường đã hoàn thiện và đi vào hoạt động ổn định, phát huy hiệu quả. Tiêu hao nguyên nhiên vật liệu được tiết giảm, thu hồi tăng lên, năng suất tăng 52% so với trước khi đầu tư Dự án.

**2**

Thành lập thêm 10 xí nghiệp nguyên liệu nâng lên 13 xí nghiệp, cùng với 3 Công ty nông nghiệp và Câu lạc bộ những người sản xuất lớn thuộc Hiệp hội mía đường Lam Sơn là bước chuẩn bị quan trọng cho chiến lược phát triển nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, đưa cơ giới hóa và ứng dụng khoa học kỹ thuật.





3

Bộ máy tổ chức quản lý được cấu trúc gọn nhẹ hơn với phương châm tăng cường kỷ cương, trách nhiệm, hiệu lực, thông suốt. Trong năm đã tinh giản trên 15% nhân sự toàn Công ty. Công tác đào tạo cán bộ được đặc biệt quan tâm, gần 100 lượt cán bộ quản lý các cấp được gửi đi đào tạo.



4

Năm 2013, mặc dù khó khăn nhưng SXKD của Công ty vẫn có bước tăng trưởng so với năm 2012: Sản lượng sản xuất tăng 6%; sản lượng tiêu thụ tăng 18% -26%; doanh thu tăng 7%, nộp ngân sách tăng 23% và lợi nhuận tăng 29% so với năm 2012.





5

2013 một năm tái cấu trúc công tác tài chính mạnh mẽ: các khoản đầu tư tài chính ra ngoài giảm gần 52 tỷ đồng, giảm 30% so với đầu năm; tăng cường thu hồi và tiết giảm công nợ phải thu 224 tỷ đồng tương đương giảm 47% so với đầu năm; trả nợ vay 495 tỷ đồng, giảm 42% so với đầu năm.



6

Năm 2013 năm thứ 7 liên tục trong top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, năm thứ 4 liên tục vinh danh tốp 1000 DN nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam.





7

Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hóa ký quyết định Số 841/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn; Công ty đã tích cực triển khai dự án bước đầu đã có sản phẩm, đồng thời xúc tiến nhiều chương trình hợp tác trong nước và quốc tế.



8

Năm 2013 Lasuco tiếp tục thực hiện tốt “Đền ơn đáp nghĩa” và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội với tổng số tiền là 774,8 triệu đồng; Dự án Trồng Mầm non theo chuẩn Quốc gia được hoàn thành đưa vào sử dụng; Công ty được vinh danh top 10 Doanh nghiệp “ Vì sự nghiệp xóa đói giảm nghèo” và được trao Biểu tượng vàng “ Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng ”...





- 9** Hợp tác quốc tế phát triển – Tháng 10 năm 2013, Đã xúc tiến làm việc với Trung tâm công nghệ GIZEF tỉnh Mittelsachsen (CHLB Đức) và đã mở văn phòng xúc tiến hợp tác giữa LASUCO và GIZEF tại Thành phố Thanh Hóa và vùng miền trung bang Sachsen Cộng hòa liên bang Đức.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị Công ty được xây dựng, tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế cũng như theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005. Công ty được tổ chức theo mô hình công ty mẹ và các công ty con, các công ty liên kết. Công ty còn có các đơn vị, nhà máy, xí nghiệp trực thuộc và các phòng ban tham mưu, giúp việc theo chức năng, nhiệm vụ và được phân cấp, phân quyền. HĐQT Công ty có 75% thành viên không tham gia điều hành và có 40% thành viên hoạt động chuyên trách. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện trước pháp luật.

Công ty đã ứng dụng hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) vào quản trị Công ty từ ngày 21/08/2007, là doanh nghiệp mía đường đầu tiên của Việt Nam ứng dụng giải pháp ERP. Hệ thống ERP được áp dụng tại LASUCO là sự kết hợp giữa bộ phần mềm Oracle eBusiness Suite với các phân hệ đặc thù khác do công ty FPT phát triển.

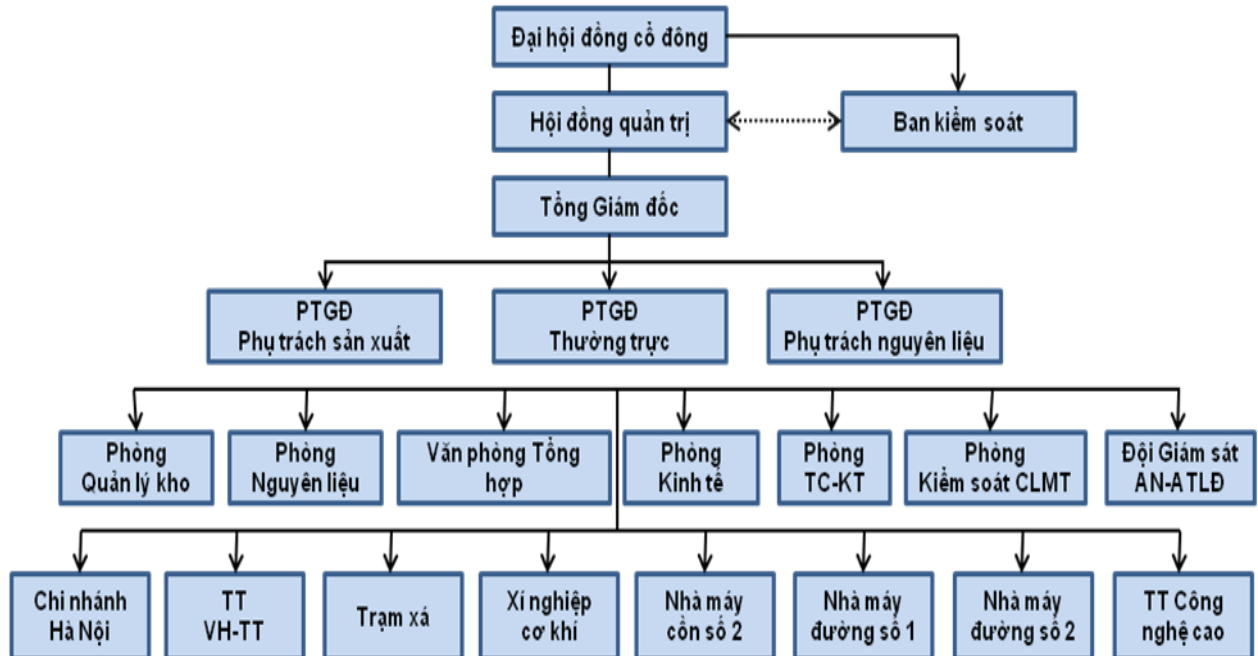
Hệ thống đã góp phần quan trọng đem lại hiệu quả nhiều mặt cho LASUCO: các yếu tố đầu vào, đầu ra trong quá trình sản xuất kinh doanh được kiểm soát chặt chẽ hơn, tiết kiệm hơn. Đặc biệt công tác quản trị, điều hành được cải tiến, giúp lãnh đạo nắm chắc được các diễn biến trong quá trình sản xuất kinh doanh, đưa ra các quyết định kịp thời hơn, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, thay đổi phong cách làm việc khoa học hơn, công nghiệp hơn với CBCNV do yêu cầu của chính ERP. Công tác công bố thông tin theo quy định đối với Công ty niêm yết được thực hiện kịp thời, chính xác, minh bạch được các nhà đầu tư đánh giá cao.

Công ty là doanh nghiệp chế biến mía đường đầu tiên áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 từ năm 1998. Từ đó đến nay hệ thống Quản lý chất lượng không ngừng được đầu tư, nâng cấp. Hiện nay Công ty đã áp dụng tiêu chuẩn ISO 22000 (ISO 22000 là tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế, được chấp nhận và có giá trị trên phạm vi toàn cầu. Chứng nhận một đơn vị có hệ thống quản lý tốt an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo cung cấp các thực phẩm an toàn, chất lượng cho người tiêu dùng) và OHSAS 18000 (đây là một bộ tiêu chuẩn chuyên sâu về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp được xây dựng nhằm giúp doanh nghiệp kiểm soát những rủi ro về an toàn & sức khỏe nghề nghiệp đồng thời cải thiện công tác quản lý).

Công ty ban hành một hệ thống các quy định pháp lý: Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống các quy chế quản trị, điều hành, kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đồng thời ban hành hệ thống các quy trình, quy định quản lý, kiểm soát theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 22000 và OHSAS 18000. Hệ thống này cũng đã đóng góp một phần vào sự thành công trong công tác quản trị doanh nghiệp hiệu quả.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



(Lễ ra quân vụ ép 2013 – 2014)



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ VĂN TAM
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bà LÊ THỊ TIẾN
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông LÊ THANH TÙNG
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông TRỊNH NGỌC LONG
Thành viên Hội đồng quản trị



Ông HÀ ĐỨC CHÍNH
Thành viên Hội đồng quản trị



Giới thiệu Hội đồng Quản trị

1. Ông Lê Văn Tam - Chủ tịch HĐQT – Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Ngày sinh: 10/11/1937

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ 10/1971 - 6/1975: Công tác tại Phòng Kế hoạch – Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1975 - 01/1977: Phó Phòng Kế hoạch – Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 02/1977 - 6/1978: Trưởng Phòng Kế hoạch – Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1978 - 06/1986: Phó giám đốc Sở Nông nghiệp Thanh Hóa.
- Từ 07/1982 - 10/1988: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp, kiêm trưởng ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hoá
- Từ 11/1988 - 06/1992: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Nhà máy đường Lam Sơn.
- Từ 07/1992 – 12/1999: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty mía đường I, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó bí thư, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Đường Lam Sơn.
- Từ năm 2000 - 2007: Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Việt Nam.
- Từ năm 2000 – 04/2011: Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Lam Sơn, Phó bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
- Từ 05/2011 đến nay: Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Đại biểu Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam Khóa IX (1992-1997) và Khóa X(1997-2002)

2. Bà Lê Thị Tiến - Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 11/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán, Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác

- Tháng 12/1989: Tốt nghiệp ĐH về công tác tại Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 12/1989 - 8/2001: Kế toán viên, Phó Phòng tài chính kế toán.
- Từ 08/2001 - 07/2006: Kế toán trưởng Công ty, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, thành viên Hội đồng quản trị khóa II.
- Từ 07/2006 - 04/2011: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
- Từ 5/2011 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Bí Thư Đảng ủy Công ty.

3. Ông Lê Thanh Tùng - Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 04/10/1959

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật, Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác

- 3/1979 - 5/1984: Tham gia Quân đội thuộc trung đoàn 164 – Quân Đoàn 2
- Từ 10/1988 - 11/1997: Cán bộ cảnh Thanh Hóa
- Từ 11/1997 - 11/2001: Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 11/2001 - 11/2009: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc Trung tâm thương mại Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Thường trực
- Từ 08/2010 đến nay là Bí thư Đảng ủy Công ty
- Từ 5/2011 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty; Đại biểu HĐND Tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2011-2016.

**4. Ông Trịnh Ngọc Long – Thành viên HĐQT**

Ngày sinh: 23/09/1952

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ năm 1982 - 1987: Làm việc tại Nông trường Sao Vàng với cương vị Trưởng phòng kế hoạch, tổ chức.
- Từ 1987 đến năm 2004: Phó Giám đốc, Giám đốc Nông trường Sao Vàng.
- Từ năm 2004 - 03/2013: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH 2 thành viên Lam Sơn - Sao Vàng.
- Từ 04/2011 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 4/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng.

5. Ông Hà Đức Chính – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 11/10/1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 1992 -1997: Làm việc tại Trung tâm Giống cây trồng Thọ Xuân, Thanh Hoá
- Năm 1997 – 1999: Kế toán viên tại Trung tâm giống mía Lam Sơn.
- Từ 01/2000 - 11/2009: Trưởng bộ phận tài chính kế toán, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn.
- Từ 11/2009 – 7/2011: Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn.
- Từ 7/2011 - nay: Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP phân bón Lam Sơn.
- Từ 04/2011 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



1. Ông Lê Văn Quang – Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 02/06/1979

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2001 - 07/2006: Kế toán viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 07/2006 - 4/2011: Kiểm soát viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 5/2011 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP mía đường Lam Sơn



2. Ông Đỗ Văn Mạnh - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 03/09/1959

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 5/1978- 5/1982: Đi bộ đội
- Từ 1982 -1989: Cán bộ Phòng vật tư Nhà máy đường Lam Sơn
- Từ 1990 - 12/1999: Kế toán viên Công ty Đường Lam Sơn.
- Từ 1/2000 đến nay: Kiểm soát viên chuyên trách của Công ty.



3. Bà Lê Thị Tình - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 26/03/1970

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 02/1992 - 10/1996: Thống kê, kế toán của Đoàn vận tải Công ty.
- Từ 10/1996 - 08/2006: Trưởng bộ phận kế toán của Nhà máy Cồn số I.
- Từ 08/2006 -11/2007: Trưởng bộ phận kế toán-Nhà máy Đường số II.
- Từ 11/2007 -4/2011:Cán bộ Phòng TCKT.
- Từ 5/2011 đến nay: Kiểm soát viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ông Lê Văn Thanh – Tổng giám đốc



Ngày sinh: 13/10/1953

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác

- Từ 8/1973 - 7/1977: Đi bộ đội
- Từ 8/1977 - 7/1982: Học Đại học Nông nghiệp 2
- Từ 8/1982 - 11/1983: Công tác tại Công ty giống cây trồng Thanh Hóa
- Từ 12/1983 - 8/1994: Trưởng phòng nông vụ Nhà máy đường Lam Sơn
- Từ 9/1994 - 7/2006: Phó giám đốc, Phó TGD Công ty, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn.
- Từ 8/2006 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.

2. Ông Lê Thanh Tùng – Phó Tổng giám đốc thường trực



Ngày sinh: 04/10/1959

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật, Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác

- 3/1979 - 5/1984: Tham gia Quân đội thuộc trung đoàn 164 – Quân Đoàn 2
- Từ 10/1988 - 11/1997: Cán bộ cảnh Thanh Hóa
- Từ 11/1997 - 11/2001: Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 11/2001 - 11/2009: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc Trung tâm thương mại Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Thường trực
- Từ 08/2010 đến nay là Bí thư Đảng ủy Công ty
- Từ 5/2011 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty; Đại biểu HĐND Tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2011-2016.

Ông Trần Quốc Vinh – Phó Tổng giám đốc sản xuất



Ngày sinh: 14/01/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo, Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

- Từ 1992 đến 1995: Kỹ thuật phân xưởng sản xuất Công ty đường Lam Sơn
- Từ 1996 đến 1997: Phó Quản đốc, Xí nghiệp bánh kẹo Đình Hương
- Từ 1998 đến 1999: Kỹ thuật ban dự án Nhà máy đường số II
- Từ 2000 đến 2010: Giám đốc Nhà máy đường số 2.
- Từ 2010 – đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất của Công ty.
- Từ tháng 5/2011 là Đại biểu HĐND Huyện Thọ Xuân nhiệm kỳ 2011-2016.

**3. Ông Đặng Thế Giang – Phó Tổng giám đốc nguyên liệu**

Ngày sinh: 28/03/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 1987 - 1994: Ban quản lý và xây dựng vùng mía Lam Sơn, Thanh Hoá
- Từ 1995 – 2001: Phòng Nông vụ, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 2002-2006: Phó giám đốc XN Nguyên liệu
- Từ 2006- 2009: Giám đốc XN Nguyên liệu
- Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.

**Bà Lê Thị Huệ - Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 28/8/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Thạc sỹ Quản trị KD

Quá trình công tác:

- Từ 11/1993 - 9/2003: nhân viên phòng TCKT C.Ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 10/2003 - 7/2006: Phó phòng TCKT Công ty.
- Từ 8/2006 - nay: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty



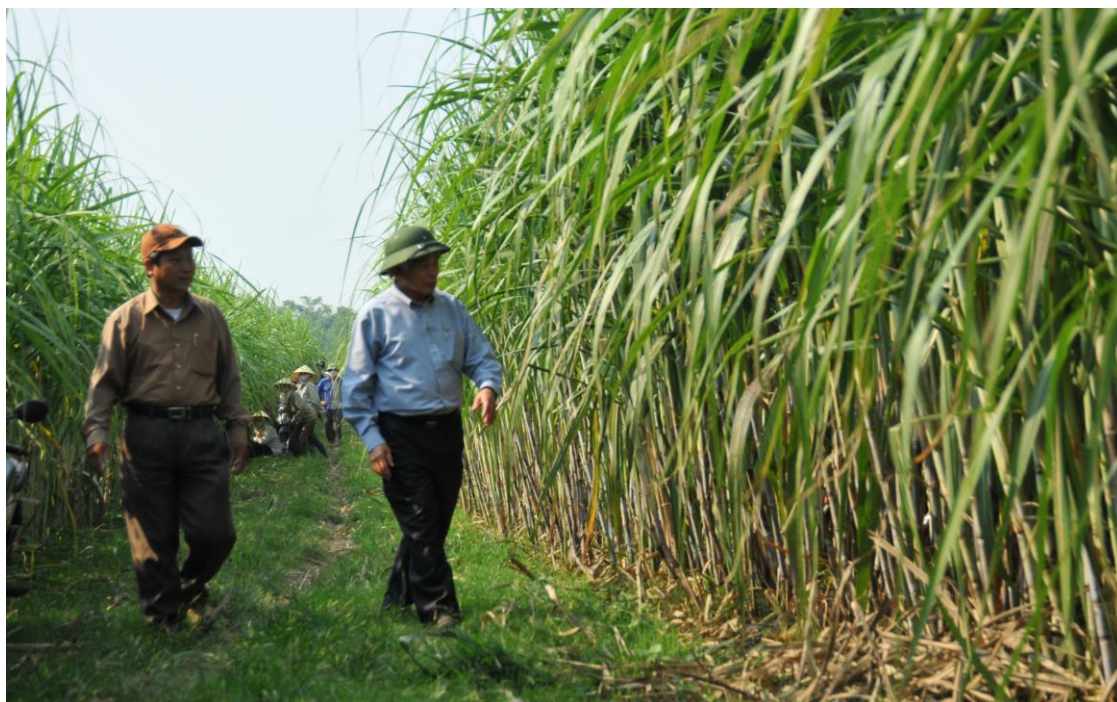
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. CÁC RỦI RO

- Rủi ro về môi trường kinh doanh:
- Rủi ro lớn nhất - Ngành công nghiệp mía đường gắn chặt với nông nghiệp đang vào thời kỳ yếu nhất trong lợi thế cạnh tranh.
- Sự không ổn định của cơ quan quyền lực Nhà nước địa phương & trung ương về chủ trương, chính sách phát triển kinh tế (chiến lược phát triển, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, thương mại, thuế, tài chính,...). Diện tích vùng nguyên liệu mía của Lasuco đang bị thu hẹp.
- Rủi ro nội bộ: năng lực sản xuất của chế biến công nghiệp rất lớn mâu thuẫn với vùng nguyên liệu manh mún, nhỏ lẻ, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; Sản xuất thời vụ nên một năm chỉ sản xuất được 5-6 tháng, áp lực giải quyết việc làm ngoài vụ cho người lao động.
- Rủi ro thiên tai, lũ lụt và biến đổi khí hậu có xu hướng phức tạp, khó lường. Khi xảy ra sẽ gây thiệt hại đối với vùng nguyên liệu.

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Tiếp tục phát triển LASUCO thành DOANH NGHIỆP XANH Bền vững vì lợi ích cộng đồng (cổ đông, nhà đầu tư, người trồng mía và người lao động). Đảm bảo hài hòa các mối quan hệ lợi ích. Có trách nhiệm cao với xã hội và môi trường.
- Đưa công nghệ cao ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo thêm nguồn sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển doanh nghiệp. Tiết kiệm năng lượng, nguyên nhiên vật liệu hạ giá thành sản phẩm nâng cao sức cạnh tranh.





3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2014-2020

3.1 Mục tiêu tổng quát

Giai đoạn 2014 - 2020 Ngành Mía Đường vẫn khó khăn, cây mía và công nghiệp chế biến đường đang mất dần lợi thế, khả năng cạnh tranh yếu và đang bị thu hẹp. Do đó cần phải nhìn nhận rõ và đánh giá đúng tình hình, vận dụng các thế mạnh, loại bỏ các điểm yếu, "đổi mới toàn diện" với "nhận thức mới – quyết tâm mới" chủ động trong mọi hoạt động từ nhận thức đến hành động, củng cố và nâng cao năng lực nội sinh đảm bảo phát triển bền vững, mục tiêu là chất lượng và hiệu quả, giữ vững ổn định đời sống và việc làm cho người lao động, người trồng mía...không ngừng nâng cao giá trị Doanh nghiệp. Định hướng phát triển mới như sau:

- Với sứ mệnh "**Hợp tác và phát triển bền vững vì cộng đồng**", Lasuco tiếp tục phát triển trở thành một **doanh nghiệp xanh vững mạnh**, đủ sức cạnh tranh và hội nhập trong nước, khu vực và Quốc tế.
- Nghiên cứu và phát triển (R&D) công nghệ cao ứng dụng vào sản xuất kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh hội nhập và phát triển.
- Tập trung cao cho ngành cốt lõi: **đường và các sản phẩm có hiệu quả sau đường, theo hướng công nghệ cao**. Đồng thời lựa chọn một số sản phẩm mới có giá trị lớn, phát triển thị trường mới, đối tác mới. Mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn bình quân 15%/năm.
- **Chất lượng - hiệu quả là hàng đầu**. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn bó tâm huyết với doanh nghiệp, đủ điều kiện triển khai các chương trình, kế hoạch đầu tư trong giai đoạn mới.

3.2 Các chương trình trọng tâm

3.2.1 Chương trình thứ nhất: làm mới đồng bộ và toàn diện Cây mía - Hạt đường Lam Sơn, đạt chất lượng, hiệu quả cao hơn

Làm mới lại cây mía

- **Mục tiêu đến năm 2020:** Diện tích mía ổn định 15.000 đến 16.000 ha, trong đó đầu tư thâm canh được 12.000 ha; từng bước xây dựng hình thành những hộ có từ 3 ha trở lên và đạt bình quân 5 ha/hộ. Năng suất bình quân ≥ 90 tấn/ha trở lên; Chất lượng mía $\geq 12^{CCS}$. Người trồng mía đạt tỷ suất lợi nhuận $\geq 40\%$.

Giải pháp chủ đạo: Rà soát xét lại diện tích đất đai, định vị lại cho từng Xí nghiệp, từng xã, từng vùng. Động viên nông dân quy hoạch lại, phải tạo ra những ruộng mía lớn từ 50 đến 100 ha/ruộng mía liền vùng, liền khoảnh để tổ chức sản xuất lại; Xúc tiến công tác điều tra, phân tích nông hóa thổ nhưỡng định kỳ; xây dựng lại bản đồ nông hóa thổ nhưỡng. Triển khai cải tạo bồi dưỡng trả lại độ phì nhiêu cho đất; Nghiên cứu lại phân bón, nghiên cứu từng bước chuyển sang phân bón sinh học hữu cơ; Cơ giới hóa đồng bộ từ khâu cày bừa làm đất, trồng mới đến bón phân chăm sóc và thu hoạch, bốc xếp. Rà soát và tiết giảm các chi phí sản xuất mía nguyên liệu



Xây dựng chương trình nghiên cứu khảo nghiệm sản xuất các giống mía có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh theo Đề án nhân nuôi cấy mô sản xuất giống theo phương pháp công nghệ cao quy mô công nghiệp.

Đánh giá lại hệ thống tưới, xây dựng một phương án mới về nước, về hệ thống tưới đảm bảo đủ điều kiện tưới tiêu trong điều kiện thời tiết khô hạn.



Làm mới lại hạt đường

- **Mục tiêu đến năm 2020:** Phải đạt 14 đến 15 tấn đường/ha. Tỷ lệ mía/đường $\leq 8^{M/D}$. Giá thành sản xuất đường đảm bảo cạnh tranh; Cơ cấu sản phẩm phải đáp ứng theo yêu cầu của thị trường.
- **Giải pháp:** khai thác có hiệu quả thiết bị - công nghệ để điều chỉnh tiết kiệm hơi, tận dụng tối đa cho sản xuất đường tinh luyện. Từ vụ 2014/2015 phải đạt cơ cấu đường tinh luyện đảm bảo yêu cầu của thị trường, đồng thời nghiên cứu đảm bảo điều kiện tinh luyện đường thô.

Tập trung nghiên cứu sử dụng nguyên liệu bổ sung đốt lò phát điện, tận thu tối đa bã mía và mật rỉ cho sản xuất sản phẩm mới chất lượng hiệu quả cao hơn nhiều lần.



Tập trung cao cho đường và các sản phẩm có hiệu quả sau đường, đồng thời nghiên cứu bổ sung thêm ngành nghề cốt lõi, lựa chọn mặt hàng mới, thị trường mới, tìm đối tác mới.



Tập trung cao cho Dự án Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn

Đây là chương trình cửa ngõ, là bộ phận cho LASUCO đi lên, là Trung tâm cấp giống mía, các giống cây ăn quả tốt nhất cho vùng và cho phía Bắc, là Trung tâm chuyển giao công nghệ xây dựng vùng mía đường Lam Sơn trở thành một vùng nông nghiệp công nghệ cao và là đầu mối hợp tác phát triển sản xuất, tiêu thụ thực phẩm sạch, an toàn (kể cả xuất khẩu rau, quả...). Năm 2014 phải cơ bản xây dựng xong và tạo ra được một số sản phẩm mới tiêu thụ trên thị trường.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Năm 2013		So sánh thực hiện 2013	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH 2013	TH 2012
Doanh thu có thuế	1.000 đ	1.512.693.088	1.800.000.000	1.611.740.761	90%	107%
Doanh thu thuần	1.000 đ	1.436.046.495	1.708.615.000	1.529.629.975	90%	107%
Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	40.349.064	100.000.000	52.172.847	52%	129%
Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	34.504.721	75.000.000	39.438.813	53%	114%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.000 đ	64.399.284	85.000.000	79.429.649	93%	123%

Nhìn chung, năm 2013 vẫn là một năm SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn. Giá đường tụt giảm, tồn kho tăng, đường nhập lậu tràn lan đã ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả SXKD năm 2013 của Lasuco.

Doanh thu có thuế năm 2013 đạt 1.611 tỷ đồng, bằng 90% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 39 tỷ đồng, bằng 53% so với kế hoạch. Tuy không đạt với kế hoạch SXKD đề ra nhưng kết quả SXKD năm 2013 vẫn có tăng trưởng hơn so với năm 2012: sản lượng tiêu thụ tăng từ 18-26%, Doanh thu tăng 7%, lợi nhuận trước thuế tăng 29%, nộp ngân sách tăng 23% so với năm 2012.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ - THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2013, Lasuco tập trung hoàn thiện máy móc thiết bị, công nghệ của NM Đường số II và Nhà máy nhiệt điện, đồng thời đầu tư cho hai Dự án “Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn” và Dự án “Nhà kho bã 1000 tấn”. Dự án NCS NM đường số II và Nhà máy nhiệt điện đã hoàn thành quyết toán và kiểm toán vốn dự án. Các dự án khác:

1. Dự án “Nhà kho bã 1000 tấn”

Dự án được bắt đầu từ cuối năm 2012 và hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 12/2013 với giá trị quyết toán hoàn thành là 41.565.918.474 đồng.

Dự án Nhà kho bã 1000 tấn hoàn thành và đưa vào sử dụng sẽ là nơi dự trữ nguồn bã mía phục vụ cho Nhà máy điện năng lượng tái tạo sử dụng bã mía của NMĐ2 hoạt động và phát điện ổn định.

2. Dự án “Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn”

Tổng mức đầu tư của Dự án là 135 tỷ đồng, được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 452NQ/HĐQT ngày 30/09/2013. Nguồn vốn của dự án dùng từ vốn tự có của Lasuco được trích lập từ quỹ phát triển khoa học công nghệ hàng năm theo quy định.

Mục tiêu của Dự án là: Quy hoạch và Xây dựng một Khu Nông nghiệp CNC Lam Sơn cấp khu vực đẳng cấp Quốc gia trên cơ sở hình thành Trung tâm Nông nghiệp CNC Bắc miền trung, nhằm mục đích nghiên cứu và chuyển giao nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp trong lĩnh vực giống mía, và cây lương thực, cây thực phẩm: rau, hoa, cây ăn quả, cây cảnh và một số đối tượng khác góp phần vào chuyển đổi nền nông nghiệp truyền thống. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn hướng nhanh tới công nghiệp hóa, đáp ứng mục tiêu dài hạn trong việc nghiên cứu và triển khai các



giống mía có năng suất cao, chất lượng tốt và giống cây trồng mới. Áp dụng các quy trình công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường nội địa và xuất khẩu dựa trên cơ sở phát huy lợi thế nguồn nhân lực và tài nguyên thiên nhiên kết hợp áp dụng thành tựu khoa học nông nghiệp tiên tiến, hiện đại.

Năm 2013 đã giải ngân cho Dự án là 23,4 tỷ đồng. Đây được xác định là Dự án trọng điểm, cần tập trung đầu tư của Lasuco trong năm 2013 và năm 2014.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.437.970.624.408	1.985.248.573.298	(19%)
Doanh thu thuần	1.436.046.495.327	1.529.629.975.516	7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.345.315.206	57.032.304.964	41%
Lợi nhuận trước thuế	40.349.064.588	52.172.847.091	29%
Lợi nhuận sau thuế	34.504.721.836	39.438.813.101	14%

Tổng giá trị tài sản của Lasuco năm 2013 giảm 19% so với năm 2012 chủ yếu là do: Năm 2013 Công ty đã thay đổi chính sách đầu tư ứng trước cho vùng mía. Thay vì Lasuco cho người nông dân ứng trước tiền mía để đầu tư thì giờ đây Lasuco đứng ra bảo lãnh cho người nông dân vay vốn Ngân hàng để đầu tư cho vụ sản xuất mía. Lợi nhuận trước thuế của LASUCO năm 2013 tăng 29% so với năm 2012.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,15	
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,03	
2. Cơ cấu nguồn vốn				
+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	48,72	35,21	
+ Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	51,28	64,79	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	2,81	3,41	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,40	2,58	
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	1,66	2,63	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,42	1,99	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	2,76	3,07	

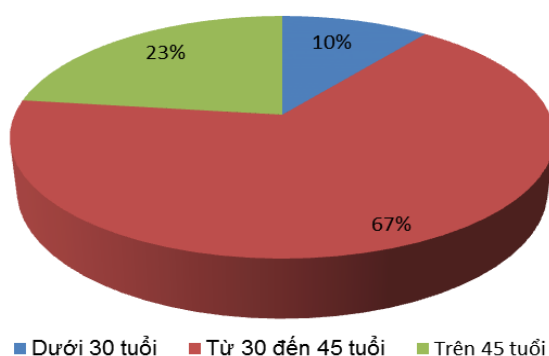
Các chỉ tiêu về chỉ số tài chính năm 2013 đảm bảo an toàn và tốt hơn so với năm 2012, thể hiện ở hệ số nợ ngắn hạn tăng 5,5% sơ với năm 2012; Nợ phải trả giảm 27,7% so với năm 2012; Các chỉ số về khả năng sinh lời đều tăng hơn



IV. NGUỒN NHÂN LỰC

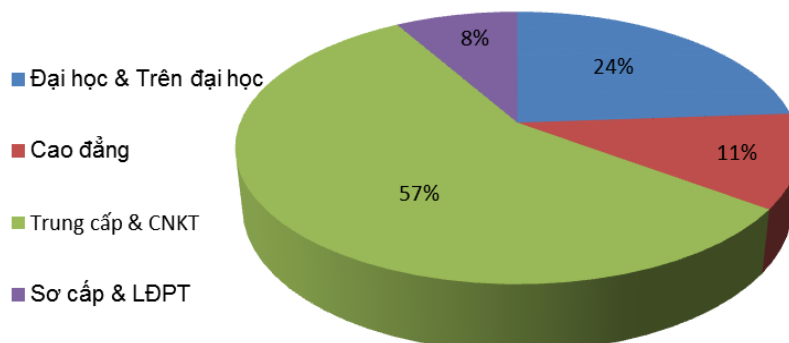
Số lượng và độ tuổi lao động

Công ty có 780 cán bộ công nhân viên, giảm trên 15% trên tổng số lao động so với năm 2012 vì trong năm Công ty thực hiện chương trình tái cấu trúc tinh giản lao động đã giải quyết cho 142 trường hợp nghỉ chế độ hưu trí, 16 trường hợp luân chuyển... Trong đó lao động có độ tuổi dưới 30 chiếm 10,5%, lao động từ 30 tuổi đến dưới 45 tuổi chiếm 66,5%, lao động có độ tuổi trên 45 chiếm 23%;



Chất lượng lao động

Lao động có trình độ Thạc sỹ chiếm 0,6%; Lao động có trình độ Đại học chiếm 23,3% tổng số lao động; Lao động có trình độ Cao đẳng chiếm 11,1% tổng số lao động; Lao động có trình độ trung cấp và CNKT chiếm 56,6% tổng số lao động, lao động có trình độ sơ cấp và lao động phổ thông chiếm 8,4% tổng số lao động;



***Công ty bảo đảm môi trường làm việc tốt cho người lao động như:***

- Bảo đảm đủ ánh sáng, không khí, điều kiện vệ sinh nơi làm việc, đảm bảo chế độ an toàn lao động, vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ.
- Đảm bảo chăm sóc y tế ban đầu cho người lao động, thực hiện tốt chế độ thai sản đối với người lao động nữ. Thực hiện quyền bình đẳng nam nữ trong mọi lĩnh vực. Người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
- Công ty luôn chú ý cải tiến, đổi mới trang bị, nâng cấp nhà xưởng...để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Người lao động được đào tạo, được nâng cao tay nghề thích hợp với vị trí chức danh công việc.
- Người lao động được bảo đảm mọi quyền lợi quy định trong Pháp luật Lao động, Luật BHXH, Luật BHTN của nước CNXHCN Việt Nam.

Chính sách cho người lao động.

Con người là vốn quý, là tài sản, là động lực phát triển sản xuất, tạo ra của cải vật chất cho Công ty, làm thỏa mãn yêu cầu của khách hàng vì lợi ích của bản thân và của Công ty.

Công ty luôn ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; quan tâm đến việc cải tiến các chính sách đãi ngộ và giữ chân nhân tài thông qua chính sách lương, thưởng, cổ phiếu, trái phiếu và các phúc lợi khác. Năm 2013:

- Công ty cử 27 cán bộ có trình độ Đại học đi đào tạo chương trình Giám đốc Điều hành và 3 cán bộ đào tạo chương trình Giám đốc nhân sự do trường Doanh nhân PTI tổ chức.
- Công ty phối hợp và thuê trường MTC mở 2 lớp đào tạo cho 84 tổ trưởng sản xuất nhằm nâng cao kiến thức quản lý và sản xuất cho các đối tượng là tổ trưởng và dự nguồn Tổ trưởng cho các nhà máy và phòng kiểm soát chất lượng.





IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các phiên họp và các quyết định của HĐQT

Từ Đại hội (25/4/2013) đến nay, HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ mỗi quý một lần và các phiên bất thường để triển khai NQĐHĐCĐ. Tại các kỳ họp các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Nội dung các phiên họp định kỳ: đánh giá kết quả thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên và NQHĐQT quý trước, đồng thời xác định kế hoạch, nhiệm vụ, của quý tới.

Trong năm HĐQT đã ban hành 22 nghị quyết. Trong đó, có 4 NQ kỳ họp định kỳ và các nghị quyết giữa hai kỳ họp liên quan đến đầu tư xây dựng Khu Nông nghiệp Công nghệ cao (NNCNC); quyết toán vốn dự án NCS và NM nhiệt điện 12,5MW; lựa chọn Công ty kiểm toán; Việc vay nợ ngân hàng; Việc thanh lý một số khoản đầu tư tài chính và cơ cấu lại vốn đầu tư tại các công ty thành viên...

HĐQT cũng ra các quyết định: triển khai các nghị quyết của HĐQT; ban hành các quy chế, quy định của Công ty; Quyết định liên quan đến tái cấu trúc đơn vị thành viên; thành lập thêm 10 Xí nghiệp nguyên liệu kèm theo đó các quyết định ban hành quy chế tổ chức hoạt động, bổ nhiệm cán bộ; thành lập Trung tâm NNCNC, Phòng Kỹ thuật, Văn phòng Tổng hợp, giải thể một số đơn vị; Giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị; Quyết định đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ...

Thực hiện NQ ĐHĐCĐ 2013, HĐQT tập trung chỉ đạo cùng Ban dự án, Ban điều hành và các cán bộ quản lý hoàn thiện máy móc thiết bị, công nghệ NM Đường Số II và nhà máy nhiệt điện; Làm việc với lãnh đạo các địa phương và Người trồng mía về công tác tổng kết vụ 2012-2013 và phát triển nguyên liệu vụ 2013-2014 cũng như trong giai đoạn tới – giai đoạn cạnh tranh khốc liệt chỉ có con đường tăng năng suất và chất lượng mới tồn tại và phát triển; Chỉ đạo sát sao công tác quản trị tài chính và tranh thủ các nguồn vốn có lãi suất thấp phục vụ SXKD và đầu tư dự án; Duy trì phê duyệt KH và giám sát thực hiện Kế hoạch tài chính; Thực hiện thoái vốn đầu tư tài chính ra ngoài, tình hình tài chính của Công ty đã vững vàng hơn; Đặc biệt đẩy mạnh quan hệ đối ngoại, gắn kết với lực lượng mới, tìm nguồn liên kết phát triển, thực hiện hiệu quả chương trình sản phẩm mới NNCNC; quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo cán bộ quản lý.

Thường xuyên nắm bắt thông tin từ Ban điều hành đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát có những chấn chỉnh về các công tác nguyên liệu, sản xuất, môi trường, kiểm tu sửa chữa máy móc thiết bị, công tác tổ chức nhân sự, thương mại...; Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị các điều kiện công tác vào vụ theo đúng kế hoạch; Rà soát đánh giá tình hình thực hiện và khả năng thực hiện kế hoạch năm 2013 theo NQĐHĐCĐ; Định hướng mục tiêu kế hoạch 2014 và những năm tiếp theo.

Các phiên họp định kỳ của HĐQT giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ

Phiên thứ 10/ nhiệm kỳ IV (quý II.2013) ngày 16/7/2013

HĐQT đã đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý II và 6 tháng đầu năm 2013, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp Quý III và 6 tháng cuối năm.

Phiên họp lần thứ 11, Quý III.2013, ngày 17/10/2013

HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý III và 9 tháng đầu năm 2013, phương hướng nhiệm vụ, giải pháp Quý IV và một số định hướng cho 2014.

Phiên họp thứ 12, Quý IV 2013, ngày 4 tháng 1/2014

HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý IV và năm 2013, thông qua kế hoạch SXKD 2014 và nhiệm vụ Quý I.2014.

Phiên họp thứ 13, Quý I.2014, ngày tháng 4 năm 2014

HĐQT đánh giá kết quả thực hiện NQ HĐQT kỳ họp 12, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý I.2014; xác định nhiệm vụ Quý II và 6 tháng đầu năm 2014; thông qua Kế hoạch và tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2014.



2. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Ưu điểm: Trong quá trình tổ chức điều hành, Tổng giám đốc đã bám sát Nghị quyết HĐQT, kế hoạch SXKD của Công ty phân công nhiệm vụ trong Ban điều hành. Nhìn chung đã thực hiện tương đối tốt các quy định của pháp luật và của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Những kết quả đã đạt được trong năm 2013 đã được đánh giá trong các báo cáo trình Đại hội ĐCĐ; Trong công tác phối hợp với BKS đã triển khai và hỗ trợ, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo đúng quy định.

Nhược điểm, hạn chế:

Về công tác điều hành: Còn thụ động, vai trò trách nhiệm cá nhân chậm đổi mới và tính sáng tạo chưa cao. Công tác khắc phục một số hạn chế, tồn tại trong quá trình quản lý, điều hành còn chậm. Công tác thương mại, thị trường còn yếu kém. Công tác tổ chức, nhân sự mặc dù bước đầu được củng cố, tinh giản gọn nhẹ hơn, nhưng tư duy của cán bộ các cấp vẫn chưa theo kịp xu thế phát triển. Giữa phòng ban và đơn vị sản xuất vẫn còn cách bức, quan liêu; Các đơn vị, phòng ban trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ.

Trong năm đã để xảy ra vụ tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng tại NM Cồn, cảnh báo công ty về công tác quản lý môi trường, ATLĐ chủ quan.

Việc triển khai một số quy chế, quy định mới của Công ty còn chậm, nên tính hiệu lực chưa cao; Báo cáo phục vụ cho kỳ họp HĐQT có lúc chậm tiến độ.

3. Chương trình hoạt động của HĐQT năm 2014

Giữa hai kỳ Đại hội ĐCĐ 2014-2015, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện NQ ĐHĐCĐ. Đặc biệt quan tâm: triển khai chiến lược phát triển vùng nguyên liệu tập trung, từng bước đưa cơ giới hóa và thâm canh, gắn với đầu tư phát triển khu Nông nghiệp CNC; Định hướng việc hoàn thiện thiết bị, công nghệ đáp ứng cơ cấu mặt hàng theo nhu cầu thị trường; Đặc biệt quan tâm đến công tác thị trường và công tác đối ngoại; Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy, nhân sự Công ty Mẹ và các công ty thành viên; Giám sát và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động của Ban điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ Nghị quyết.

Theo chương trình hoạt động toàn nhiệm kỳ, từ nay đến Đại hội Thường niên năm 2015, HĐQT sẽ họp 4 phiên định kỳ. Mỗi quý 1 phiên, tập trung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quý trước, thông qua kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ, giải pháp của quý tiếp theo. Ngoài ra, HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp thường xuyên nhằm thực hiện thắng lợi NQ ĐHĐCĐ năm 2014. Trong quá trình hoạt động, HĐQT cập nhật thông tin bên ngoài và bên trong doanh nghiệp, các thông tin hoạt động của Công ty thông qua Quy chế mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban TGD và BKS, đồng thời xử lý thông tin hiệu quả và ra các quyết định quản trị kịp thời, tranh thủ các cơ hội để Lasuco vượt qua khó khăn, thách thức phát triển bền vững.





V. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013 là kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh; tính tuân thủ trong việc thực hiện các quy chế quy định đã đề ra; Kiểm soát hoạt động và tài chính các đơn vị thành viên trực thuộc và Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Ban điều hành Công ty và một số đơn vị thành viên liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; Thẩm định Báo cáo tài chính hàng 6 tháng, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính; xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán báo cáo tài chính; Xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập, và đưa ra kiến nghị của mình trước khi báo cáo kiểm toán được ban hành; Ban kiểm soát đồng thời giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra; từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban điều hành các cấp.

Ban kiểm soát ghi nhận chưa thấy có dấu hiệu vi phạm qui định tài chính làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Tại các kỳ họp Ban kiểm soát đều có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát trong quý, đưa ra các kiến nghị đề xuất trong quản trị, điều hành. Đồng thời đưa ra kế hoạch kiểm soát quý tiếp theo; Tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, định hướng và các dự án đầu tư của Công ty.

- Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã có thông báo và thực hiện kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của 3/7 công ty con của LASUCO, qua đó có những kiến nghị với HĐQT trong việc hoàn thiện có chế, chính sách trong việc quản lý hoạt động tại các đơn vị;

- Tổ chức kiểm tra thực hiện nhiệm vụ tại 3 phòng ban chức năng và đánh giá hoạt động của 13 Xí nghiệp nguyên liệu sau thời gian thành lập và đi vào hoạt động. Phối hợp với các Phòng ban đơn vị trong việc triển khai kiểm tra, giám sát một số chương trình theo yêu cầu của HĐQT và Ban điều hành.

- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT, Ban điều hành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ. HĐQT và Ban điều hành đã tạo điều kiện cung cấp thông tin, kế hoạch công việc để Ban kiểm soát tổ chức thực hiện giám sát có hiệu quả tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định nội bộ.

- Đối với cổ đông: Giữa hai kỳ đại hội, Ban kiểm soát không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông theo quy định tại điều 11 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát và những vấn đề quyết nghị

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ mỗi quý 1 lần trước kỳ họp HĐQT, tất cả thành viên tham gia đầy đủ. Nội dung: đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT quý trước, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, trách nhiệm được giao của HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận quản lý. Đồng thời đánh giá hoạt động của BKS và xây dựng kế hoạch kiểm soát của quý tiếp theo. Ngoài ra, BKS cũng tổ chức các cuộc họp bất thường trong quá trình kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị để thống nhất kế hoạch cũng như kết quả kiểm tra.

**VI. THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT - BKS - BDH****1. Thù lao, tiền lương và tiền thưởng cho Hội đồng quản trị**

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	601.423.865
2	Lê Thanh Tùng	Phó chủ tịch HĐQT	120.000.000	275.674.935
3	Lê Thị Tiến	Phó chủ tịch HĐQT	120.000.000	306.436.473
4	Trịnh Ngọc Long	TV HĐQT	96.000.000	-
5	Hà Đức Chính	TV HĐQT	96.000.000	-
	Cộng		612.000.000	1.183.535.273

2. Thù lao, tiền lương và tiền thưởng cho Ban kiểm soát

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương
1	Lê Văn Quang	Trưởng BKS	120.000.000	189.753.933
2	Đỗ Văn Mạnh	Kiểm soát viên	60.000.000	90.789.012
3	Lê Thị Tình	Kiểm soát viên	60.000.000	90.469.012
	Cộng		240.000.000	371.011.956

3. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT - BKS

Đơn vị: đồng

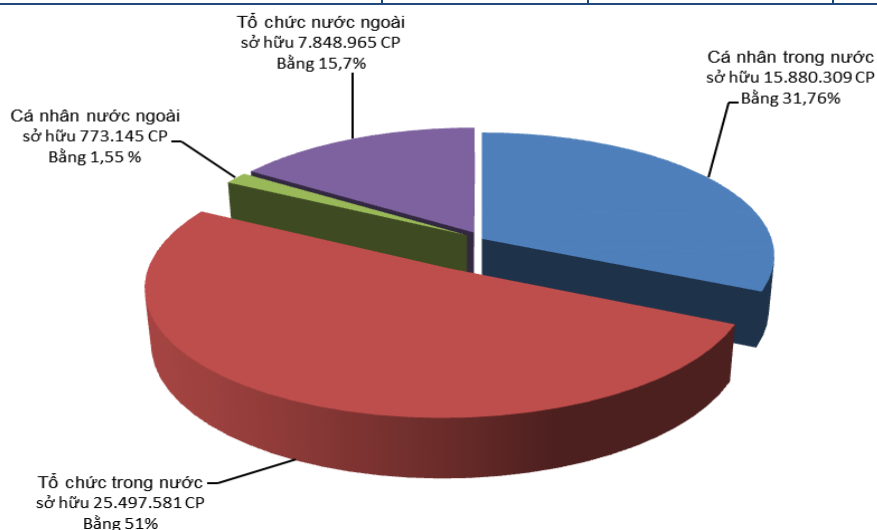
STT	KHOẢN MỤC	TH năm 2011	TH năm 2012	TH năm 2013
I	Chi phí HĐQT, BKS	4.844.640.345	4.204.342.180	3.675.037.839
1	Chi phí lương và có tính chất lương	2.389.455.196	1.909.456.287	1.554.547.229
2	Chi phí đồ dùng văn phòng, BHLĐ	28.895.364	20.636.636	20.428.849
3	Khấu hao TSCĐ quản lý	958.433.131	958.433.131	742.525.641
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.847.753	213.093.503	229.994.135
-	Điện thoại, Internet	89.638.096	51.484.635	52.280.675
-	Xăng dầu xe con công tác	152.145.144	129.508.868	150.723.500
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ	49.064.513	32.100.000	26.989.960
5	Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.177.008.901	1.102.722.623	1.127.541.985
-	Chi phí tiếp khách, giao dịch	105.557.753	94.548.520	36.073.695
-	Chi phí công tác	114.764.062	54.274.103	141.336.745
-	Chi phí thù lao HĐQT, BKS	852.000.000	852.000.000	852.000.000
-	Chi phí khác	104.687.086	101.900.000	98.131.545
II	Doanh thu có VAT	1.661.116.961.252	1.512.693.088.267	1.611.740.761.328
II	Tổng ngân sách theo Nghị quyết ĐHĐCĐ			
-	Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS (0,4% Doanh thu có VAT)	6.644.467.845	6.050.772.353	6.446.963.045
III	Tiết kiệm chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	1.799.827.500	1.846.430.173	2.771.925.206



1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 25/02/2013 theo danh sách chốt sổ cổ đông đại hội cổ đông thường niên năm 2014

Cổ đông	SL cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Trong nước	1.725	41.377.890	82,76%
1. Cá nhân	1.687	15.880.309	31,76%
2. Pháp nhân	38	25.497.581	51,00%
II. Nước ngoài	95	8.622.110	17,24%
1. Cá nhân	74	773.145	1,55%
2. Pháp nhân	21	7.848.965	15,70%
Cộng	1.820	50.000.000	100%





2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 5% SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Cổ đông	Địa chỉ	SL CP	Tỷ lệ %)
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	TT Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa	9.728.190	19,46
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành Đạt	P. Trung hòa – Q.Cầu giấy – Hà Nội	6.243.837	12,49%
Tổng cộng		15.972.027	31,94%

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Thời điểm 12/03/2013		Thời điểm 25/02/2014	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	1.000.390	2,00	1.000.390	2,00
2	Lê Thanh Tùng	P.Chủ tịch HĐQT	562.050	1.12	562.050	1,12
3	Lê Thị Tiến	P.Chủ tịch HĐQT	51.512	0,10	51.512	0,10
4	Hà Đức Chính	Thành viên HĐQT	54.992	0,11	54.992	0,11
5	Trịnh Ngọc Long (*)	Thành viên HĐQT	0		-	-
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH						
1	Lê Văn Thanh	Tổng giám đốc	70.312	0,14	70.312	0,14
2	Lê Thanh Tùng	Phó TGĐ			-	-
3	Trần Quốc Vinh	Phó TGĐ	38.837	0,08	38.837	0,08
4	Đặng Thế Giang	Phó TGĐ	650	0,00	650	0,00
BAN KIỂM SOÁT						
1	Lê Văn Quang	Trưởng BKS	17.500	0,035	17.500	0,035
2	Bà Lê Thị Tình	Thành viên BKS	3.125	0,006	3.125	0,006
3	Đỗ Văn Mạnh	Thành viên BKS	12.500	0,025	12.500	0,025
KẾ TOÁN TRƯỞNG						
1	Lê Thị Huệ	Kế toán trưởng	26.875	0,05	26.875	0,05

(*) Ông Trịnh Ngọc Long có đơn xin từ chức Thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị Công ty CP mía đường Lam Sơn chấp thuận theo Nghị quyết số 06NQ/ĐLS - HĐQT ngày 10/02/2014. Kể từ ngày 10/02/2014, Ông Trịnh Ngọc Long không còn là thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP mía đường Lam Sơn.

THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN KẾT

I. CÔNG TY CON

1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000123, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2003 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 ngày 23/03/2012 với mã số doanh nghiệp là 2800783723.

Trụ sở chính: Thôn Đá Dựng - Xã Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 15.500.000.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)

Góp vốn của Lasuco: 9.000.000.000 đ, chiếm 58,06% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón các loại;

San lấp mặt bằng ; Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;

Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống.



2. Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 2800786957, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Góp vốn của Lasuco: 20.000.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía; cao su; cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;

Chế biến và bảo quản rau quả; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.



3. Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn

Được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800862767 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 19/09/2005 và sửa đổi lần 5 ngày 17/09/2013.

Trụ sở chính: Khu 6 - Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Góp vốn của Lasuco: 10.049.500.000 đồng, chiếm 50,25 % vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ cơ giới nông nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc thiết bị; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Trồng cây mía; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Kinh doanh xuất, nhập khẩu phương tiện cơ giới làm đất, trồng, chăm sóc và thu hoạch mía.



4. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần ngày 18/02/2011, mã số doanh nghiệp là 2801664422.

Trụ sở chính: Phố 3 - Thị trấn Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 10.500.000.000 đ, chiếm 58,33% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía, Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

Khai thác gỗ, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Khai thác xử lý và cung cấp nước; Trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.



5. Công ty Cổ phần Nông công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801751192 ngày 09/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 9.000.000.000 đ, chiếm 75% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía, cây lấy củ có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.

Chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác; Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.

Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Khai thác gỗ, khai thác lâm sản, trừ gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.



II. CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 2603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh hoá cấp ngày 04/03/2002 và thay đổi ĐKKD lần 1 vào ngày 09/05/2006.

Trụ sở chính: 25A Quang Trung - P. Ngọc Trạo - Tp Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 11.998.800.000 đồng (Mười một tỷ, chín trăm chín tám triệu, tám trăm nghìn đồng)

Góp vốn của Lasuco: 5.478.400.000 đ, chiếm 45,66 % vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ khách sạn.
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác.
- Kinh doanh kho tàng, bến bãi.
- Quản lý và kinh doanh nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây lắp điện nước.
- Kinh doanh lữ hành, vận tải hành khách đường bộ, đường thủy nội địa.
- Xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và xây dựng, phương tiện vận tải, ô tô, xe máy và phụ tùng, hàng điện tử, điện lạnh, hàng công nghệ tiêu dùng, vật liệu xây dựng, thực phẩm vật tư nông nghiệp ...

2. Công ty CP Đầu tư phát triển Lam Sơn - Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Như Xuân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801700568 ngày 18/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thôn 8 - Xã Xuân Hòa - Huyện Như Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 15.000.000.000 đ, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

3. Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 ngày 20/09/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 22/02/2011.

Trụ sở chính: Lô CN - B3 - KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - Tp Hà Nội

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 21.500.000.000 đ, chiếm 30,71% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Đóng chai các loại rượu.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.

4. Trường cao đẳng nghề Lam Kinh

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn)

Vốn thực góp đến 31/12/2012: 5.679.854.253 đồng.

Vốn góp của Lasuco: 6.125.177.253 đồng, =20,41 % vốn điều lệ.

Hoạt động dạy nghề:

- Chế biến thực phẩm.
- Quản trị khách sạn.
- Kế toán doanh nghiệp.
- Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

(Theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS))

CHUẨN MỰC - MINH BẠCH - TIN CẬY

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY ME**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn (Doanh nghiệp Nhà Nước) theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Công ty đã được cấp mã số doanh nghiệp số 2800463346 sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	
Bà	Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông	Trịnh Ngọc Long	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2014)
Ông	Hà Đức Chính	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc	
Ông	Lê Khắc Chung	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2014)
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Trần Quốc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông	Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà	Lê Thị Tình	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc 

Lê Văn Thanh



Số: 246 /2014/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía Đường Lam Sơn được lập ngày 25 tháng 03 năm 2014 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quốc Dũng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đã kiểm toán)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		521.253.331.059	920.629.000.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	15.320.762.221	106.444.251.929
1. Tiền	111		15.320.762.221	37.844.251.929
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	68.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	12.053.754.836	14.840.738.889
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.053.754.836	21.878.738.889
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(7.038.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		245.014.031.703	461.481.658.857
1. Phải thu khách hàng	131		27.820.187.328	37.813.026.681
2. Trả trước cho người bán	132		198.575.926.982	410.219.754.410
5. Các khoản phải thu khác	135	5	18.867.598.937	18.045.389.958
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	6	(249.681.544)	(4.596.512.192)
IV. Hàng tồn kho	140	7	213.306.332.084	261.874.890.841
1. Hàng tồn kho	141		213.306.332.084	265.896.364.101
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(4.021.473.260)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.558.450.215	75.987.460.139
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	34.052.012.788	50.875.944.988
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	1.506.437.427	25.111.515.151
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.463.995.242.239	1.517.341.623.753
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.726.672.043	19.386.487.355
4. Phải thu dài hạn khác	218	10	11.726.672.043	19.386.487.355
II. Tài sản cố định	220		1.330.841.323.061	1.327.203.920.157
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.246.598.400.203	1.019.957.293.889
- Nguyên giá	222		2.165.936.893.300	1.887.123.953.562
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(919.338.493.097)	(867.166.659.673)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.762.139.945	18.173.866.721
- Nguyên giá	228		27.296.298.332	25.321.710.332
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.534.158.387)	(7.147.843.611)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	65.480.782.913	289.072.759.547
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	111.535.310.707	159.888.115.912
1. Đầu tư vào công ty con	251		59.946.093.886	91.915.323.886

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		46.800.390.000	46.800.390.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		31.805.875.202	49.266.408.183
4. Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn (*)	259		(27.017.048.381)	(28.094.006.157)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.891.936.428	10.863.100.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	9.891.936.428	10.863.100.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.985.248.573.298	2.437.970.624.408

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		698.938.375.420	1.187.878.442.454
I. Nợ ngắn hạn	310		452.227.848.344	841.867.031.408
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	252.153.682.355	577.876.764.618
2. Phải trả người bán	312		46.985.362.177	100.704.038.782
3. Người mua trả tiền trước	313		26.486.069.000	1.292.170.001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	10.124.416.672	15.119.979.751
5. Phải trả người lao động	315		14.940.342.496	1.714.452.316
6. Chi phí phải trả	316	18	15.403.691.123	7.515.218.645
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn #	319	19	32.724.869.801	80.001.871.893
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		53.409.414.720	57.642.535.402
II. Nợ dài hạn	330		246.710.527.076	346.011.411.046
4. Vay và nợ dài hạn	334	20	200.000.000.000	298.436.771.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	31.2	395.548	9.286.366
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		46.710.131.528	47.565.353.680
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.286.310.197.878	1.250.092.181.954
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.285.820.600.821	1.249.446.005.854
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.276.411.784	180.276.411.784
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		481.266.276.800	474.339.518.178
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		61.857.463.123	60.325.354.056
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		62.420.449.114	34.504.721.836
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		489.597.057	646.176.100
2. Nguồn kinh phí	432	22	406.262.393	487.053.793
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		83.334.664	159.122.307
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.985.248.573.298	2.437.970.624.408

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		31.378.857.143	17.976.500.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		1.383.146.051	1.389.629.740
5. Ngoại tệ các loại	005			
- USD	005a		2.650,06	35.950,88

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.529.629.975.516	1.436.046.495.327
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.529.629.975.516	1.436.046.495.327
4. Giá vốn hàng bán	24	1.353.763.623.034	1.321.672.327.097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		175.866.352.482	114.374.168.230
6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	5.825.637.458	11.955.177.970
7. Chi phí tài chính	26	90.604.694.195	90.393.862.834
- Trong đó: Chi phí lãi vay		68.199.149.915	73.691.763.698
8. Chi phí bán hàng	27	9.812.943.672	9.907.904.035
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	24.242.047.109	(14.317.735.875)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		57.032.304.964	40.345.315.206
11. Thu nhập khác	29	(841.402.432)	1.617.116.322
12. Chi phí khác	30	4.018.055.441	1.613.366.940
13. Lợi nhuận khác		(4.859.457.873)	3.749.382
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.172.847.091	40.349.064.588
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	12.742.924.808	9.545.218.978
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.2	(8.890.818)	(3.700.876.226)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		39.438.813.101	34.504.721.836
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	789	690

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Năm 2013 – Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		52.172.847.091	40.349.064.588
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		100.708.351.528	74.912.555.696
03	- Các khoản dự phòng		1.704.894.060	(2.072.467.332)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1.582.194)	26.523.826
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		6.829.530.805	2.217.540.958
06	- Chi phí lãi vay		68.199.149.915	73.691.763.698
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		229.613.191.205	189.124.981.434
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		242.079.594.115	316.707.021.430
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		58.558.032.017	(112.066.613.374)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		8.454.016.909	(158.550.329.816)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		18.603.589.880	(21.422.684.899)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(69.820.016.197)	(67.883.723.668)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.731.901.447)	(10.686.996.657)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.362.222.560	330.562.772
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.357.787.481)	(22.481.210.663)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		464.760.941.561	113.071.006.559
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(114.073.602.137)	(580.558.994.062)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		315.830.000	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(998.350.398)	(2.852.212.538)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		981.555.981	2.334.988.070
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.971.823.000)	(13.627.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.043.512.005	16.119.397.564
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.928.909.799	8.954.795.303
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(81.773.967.750)	(569.629.025.663)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		994.741.255.374	1.469.264.710.287
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.418.901.108.637)	(930.110.377.451)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(49.952.192.450)	(75.084.699.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(474.112.045.713)	464.069.633.836
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(91.125.071.902)	7.511.614.732
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		106.444.251.929	98.932.637.197
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.582.194	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	15.320.762.221	106.444.251.929

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

(Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của Công ty mẹ được đăng tải chi tiết tại Website: <http://lasuco.vn>)

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn (Doanh nghiệp Nhà Nước) theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Công ty đã được cấp mã số doanh nghiệp số 2800463346 sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	
Bà	Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông	Trịnh Ngọc Long	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2014)
Ông	Hà Đức Chính	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc	
Ông	Lê Khắc Chung	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2013)
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Trần Quốc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông	Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà	Lê Thị Tình	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 03 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh



Số: 247 /2014/BC.KTTC-AASC.KT1

Kính gửi:

**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được lập ngày 26 tháng 03 năm 2014 từ trang 5 đến trang 45 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc đã định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của cá cược tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quốc Dũng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên

Lê Văn Tùng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1479-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Đã kiểm toán)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		707.546.823.009	1.154.005.552.408
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	22.984.476.131	127.707.687.320
1. Tiền	111		21.484.476.131	52.239.024.707
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	75.468.662.613
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	12.053.754.836	14.840.738.889
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.053.754.836	21.878.738.889
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(7.038.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244.589.495.066	482.755.605.598
1. Phải thu khách hàng	131		61.537.800.906	106.791.413.949
2. Trả trước cho người bán	132		167.684.298.980	369.725.925.669
5. Các khoản phải thu khác	135	5	17.848.189.760	11.927.997.998
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	6	(2.480.794.580)	(5.689.732.018)
IV. Hàng tồn kho	140	7	394.889.741.070	443.135.409.908
1. Hàng tồn kho	141		395.016.392.327	447.306.951.198
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(126.651.257)	(4.171.541.290)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.029.355.906	85.566.110.693
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	30.283.843.134	51.906.594.572
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.110.326.021	8.119.692.020
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	34.979.825	21.979.828
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.600.206.926	25.517.844.273
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.475.392.547.001	1.522.066.404.275
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.894.316.717	5.395.612.950
4. Phải thu dài hạn khác	218	11	8.916.816.717	5.395.612.950
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			(22.500.000)	-
II. Tài sản cố định	220		1.394.791.966.072	1.431.620.962.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.295.654.006.675	1.103.524.164.418
- Nguyên giá	222		2.278.564.734.255	2.058.056.995.183
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(982.910.727.580)	(954.532.830.765)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	18.762.139.945	18.229.027.541
- Nguyên giá	228		27.296.298.332	25.436.679.152
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.534.158.387)	(7.207.651.611)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	80.375.819.452	309.867.770.134
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	51.506.739.780	61.608.824.098
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.700.864.578	20.404.470.756
3. Đầu tư dài hạn khác	258		31.805.875.202	49.613.198.183

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			(8.408.844.841)
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.123.979.299	20.783.504.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	19.069.452.826	20.528.812.962
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35.2	54.526.473	254.691.656
VI. Lợi thế thương mại	269		1.075.545.133	2.657.500.516
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.182.939.370.010	2.676.071.956.683

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		882.413.745.486	1.400.640.325.641
I. Nợ ngắn hạn	310		633.174.359.295	1.049.662.537.772
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	396.669.234.020	741.144.160.972
2. Phải trả người bán	312		68.249.641.180	115.597.093.710
3. Người mua trả tiền trước	313		25.835.940.398	8.741.903.486
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	10.846.040.452	18.459.808.498
5. Phải trả người lao động	315		19.833.456.874	9.714.312.054
6. Chi phí phải trả	316	19	16.509.802.372	9.019.171.327
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	39.249.724.672	87.135.749.511
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		55.980.519.327	59.850.338.214
II. Nợ dài hạn	330		249.239.386.191	350.977.787.869
3. Phải trả dài hạn khác	333	21	1.760.988.619	2.851.493.619
4. Vay và nợ dài hạn	334	22	200.000.000.000	300.236.771.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	35.2	395.548	9.286.366
8. Doanh thu chưa thực hiện	336		452.987.292	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		47.025.014.732	47.880.236.884
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.289.015.968.690	1.256.298.150.368
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.288.526.371.633	1.255.651.974.268
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.276.411.784	180.276.411.784
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	286.627.141
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		491.067.590.288	480.452.896.399
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		62.856.684.456	61.310.648.245
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		133.182.845	133.182.845
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		54.192.502.260	33.192.207.854
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		489.597.057	646.176.100
2. Nguồn kinh phí	432	24	406.262.393	487.053.793
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		83.334.664	159.122.307
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		11.509.655.834	19.133.480.674
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.182.939.370.010	2.676.071.956.683

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND		31.378.857.143	6.497.500.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	VND		1.383.146.051	1.389.629.740
5. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ	USD		2.650,06	36.406,91

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.848.159.136.143	1.890.282.266.227
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	770.237.703	1.407.262.025
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.847.388.898.440	1.888.875.004.202
11	4. Giá vốn hàng bán	28	1.621.632.273.142	1.712.816.461.771
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		225.756.625.298	176.058.542.431
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	5.065.330.859	7.847.559.283
22	7. Chi phí tài chính	30	98.832.159.216	94.651.765.608
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		86.529.077.787	96.737.935.814
24	8. Chi phí bán hàng	31	22.399.285.083	23.220.765.023
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	52.776.719.496	12.064.384.641
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.813.792.362	53.969.186.442
31	11. Thu nhập khác	33	9.978.373.144	2.554.444.882
32	12. Chi phí khác	34	10.791.591.172	2.289.285.001
40	13. Lợi nhuận khác		(813.218.028)	265.159.881
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(483.614.840)	(10.686.591.573)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.516.959.494	43.547.754.750
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	13.766.775.430	10.180.985.425
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.2	191.274.365	(3.875.609.097)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		41.558.909.699	37.242.378.422
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.114.095.518	1.297.913.736
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		40.444.814.181	35.944.464.686
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	38	809	719

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT – Năm 2013
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		55.516.959.494	43.547.754.750
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		117.452.483.843	94.729.832.144
03	- Các khoản dự phòng		(7.252.061.035)	(20.766.369.757)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1.636.069)	24.946.962
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		7.428.597.772	8.429.384.527
06	- Chi phí lãi vay		86.529.077.787	96.737.935.814
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		259.673.421.791	222.703.484.440
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		248.671.166.527	381.757.520.401
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		47.359.830.381	(227.866.669.599)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		21.105.956.621	(133.913.498.488)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		23.990.004.404	(24.780.685.600)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(88.368.196.430)	(91.159.928.861)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.960.742.026)	(13.147.668.527)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.760.165.053	415.562.772
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.131.009.769)	(16.596.958.286)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		482.100.596.552	97.411.158.252
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(121.469.018.212)	(612.655.714.075)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		8.852.879.143	80.720.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.078.350.398)	(2.852.212.538)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.108.830.981	361.643.070
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(972.323.000)	(12.227.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.900.000.000	16.119.397.564
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.498.372.873	3.739.852.754
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(109.159.608.613)	(607.433.313.224)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.310.704.380.329	1.894.079.209.567
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.738.417.675.168)	(1.307.540.096.496)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(49.952.486.483)	(75.084.404.967)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(477.665.781.322)	511.454.708.104
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(104.724.793.383)	1.432.553.131
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	127.707.687.320	126.273.557.325
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.582.194	1.576.864
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 22.984.476.131	127.707.687.320

Người lập biểu


 Lê Đức Anh

Kế toán trưởng


 Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn (Doanh nghiệp Nhà Nước) theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính Phủ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Công ty đã được cấp mã số doanh nghiệp số 2800463346 sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 là 500.000.000.000 VND (Năm trăm tỷ đồng).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**Địa chỉ**

Văn phòng Công ty

Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Chi nhánh Công ty tại Hà Nội

Số 17 Mạc Thị Bưởi, Hà Nội

Nhà máy cồn số 2

Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Nhà máy đường số 1

Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Nhà máy đường số 2

Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Xí nghiệp Nguyên liệu

Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Trung tâm Công nghệ cao

Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Hoạt động kinh doanh chính của các đơn vị trên đều tập trung vào quá trình sản xuất sản phẩm đường, cồn, mua nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất, và bán các sản phẩm đường, cồn.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm:

Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	58,06%	58,06%	Sản xuất phân bón, dịch vụ vận tải
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100,00%	100,00%	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	58,94%	100,00%	Khai hoang làm đất, đường giao thông, sửa chữa ô tô
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Lam Sơn (i)	Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bánh kẹo, dịch vụ du lịch, vận tải, Bất động sản
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn (ii)	Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa	0,00%	0,00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (iii)	Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	93,38%	100,00%	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước (iv)	Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa	94,98%	97,78%	vật liệu xây dựng Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
---	--------------------------	--------	--------	--

- (i) Ngày 23/03/2013, Công ty Mía đường Lam Sơn đã có công văn số 68 CV/ĐLS-TCKT về việc thu hồi vốn đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Lam Sơn, theo đó hiện tại Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Lam Sơn đang làm thủ tục giải thể theo các quy định của pháp luật;
- (ii) Thực hiện nghị quyết số 827 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 17/12/2013 của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Giấy Lam Sơn. Ngày 20/12/2013 Công ty CP Mía đường Lam Sơn đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 02/2013/HĐCNCP và 03/2013/HĐCNCP với 2 đối tác, số lượng cổ phần chuyển nhượng 696.873 CP, mệnh giá 10.000 VND/CP, giá chuyển nhượng là 10.000 VND/CP. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty CP Mía đường Lam Sơn đã ngừng hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Giấy Lam Sơn kể từ ngày 27/12/2013 và lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty CP Giấy Lam Sơn được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số trên báo cáo tài chính hợp nhất;
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn bao gồm: Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đầu tư 9,0 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 78,95%, các công ty con đầu tư 2,4 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 21,05%/vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đối với Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn là 93,38%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%;
- (iv) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước bao gồm: Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đầu tư 10,5 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 77,78%, các công ty con đầu tư 2,7 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước là 94,98%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 97,78%

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm :

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân

Thông tin bổ sung về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 15.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Chăn nuôi trâu bò;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tổng hợp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất cồn, nước uống có cồn và không có cồn;
- Chế biến các sản phẩm sau đường và các mặt hàng nông, lâm sản;
- Cung ứng vật tư, nguyên liệu sản xuất và các loại giống cây, con;
- Chế biến các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh khí, lỏng, rắn;
- Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị, và dịch vụ làm đất nông nghiệp, lâm nghiệp;
- Hoạt động nghiên cứu và phát triển khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm 2013, do ảnh hưởng của giá đường xuống thấp nhất trong nhiều năm qua nên mặc dù sản lượng đường thành phẩm sản xuất được tăng so với kỳ trước (do Nhà máy đường số 2 đã đi vào hoạt động ổn định) nhưng doanh thu không tăng trưởng nhiều so với kỳ trước.
- Trong năm 2013, Công ty đã tắt toán trước hạn khoản vay trung và dài hạn ngân hàng Phát triển Việt Nam với lãi suất cao hơn lãi suất vay bình quân của các Ngân hàng thương mại cùng thời điểm để tiết kiệm chi phí hoạt động kinh doanh.
- Trong năm 2013, Theo quyết định số 101/QĐ/ĐLS-TCHD ngày 08/04/2013 của Chủ tịch HĐQT về việc thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn trực thuộc Công ty CP Mía Đường Lam Sơn. Trung tâm có chức năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, hợp tác nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực. Việc thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn để phục vụ cho việc triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghệ cao Lam Sơn; xây dựng, triển khai các đề tài khoa học, thử nghiệm giống mía mới, nghiên cứu bảo quản và chế biến nông sản, nghiên cứu, xây dựng các quy trình về thâm canh cây mía, chuyển giao công nghệ mới.... Dự án Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam sơn đã được UBND Tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 13/09/2013 với tổng mức thực hiện dự án là 135 tỷ đồng, thời gian hoạt động của dự án là 50 năm, dự án dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 12/2015.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng..

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó..

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng..

2.6 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời

điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi..

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Đối với việc sản xuất kinh doanh đường, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành. Đối với các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành..

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Cây xanh lâu năm	15 - 23 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 35 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 08 năm

Từ tháng 6/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm;

2.11 . Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0%

2.13 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ

giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.17 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.032.130.150	1.359.221.028
Tiền gửi ngân hàng	19.452.345.981	50.117.203.679
Tiền đang chuyển		762.600.000
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	75.468.662.613
	22.984.476.131	127.707.687.320

(*): Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		12.423.600.000
Đầu tư ngắn hạn khác	12.053.754.836	9.455.138.889
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(7.038.000.000)
	12.053.754.836	14.840.738.889

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư cổ phiếu:

(*) Trong năm 2013 Công ty đã thoái vốn khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4) với số lượng bán là 1.224.000 cổ phiếu, giá bán là 5.968.000.000 VND.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu CBCNV tiền vay VietinBank Thanh Hóa	182.081.212	182.081.212
Phải thu về tiền lãi dự thu	2.430.871.629	1.778.127.377
Phải thu tiền thuế TNCN của CBCNV	1.160.419.102	760.923.939
Phải thu tiền ứng trước để mua đất	1.704.072.100	1.704.072.100
Phải thu tiền ứng trước tiền máy thuê ngoài	-	119.345.940

Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP Giấy Lam Sơn	6.968.730.000	-
Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội của CBCNV	2.052.465.922	1.183.001.876
Phải thu khác	3.349.549.795	6.200.445.554
	17.848.189.760	11.927.997.998

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(2.413.087.328)	(5.642.116.795)
Trả trước cho người bán	(21.828.503)	(21.828.503)
Phải thu khác	(45.878.749)	(25.786.720)
	(2.480.794.580)	(5.689.732.018)

(*) Trong năm 2013, công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ với Công ty CP Thực phẩm Lam Sơn do điều chỉnh lại giá trị hợp đồng kinh tế số 701/HĐ/ĐLS-KT ngày 17/11/2008 giữa Công ty CP Mía đường Lam Sơn và Công ty CP Thực phẩm Lam Sơn.

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường		44.400.187.375
Nguyên liệu, vật liệu	202.624.868.513	152.011.917.781
Công cụ, dụng cụ	2.257.639.986	2.442.187.405
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.924.941.976	34.994.683.408
Thành phẩm	153.469.811.182	211.818.953.003
Hàng hóa	2.739.130.670	1.639.022.226
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(126.651.257)	(4.171.541.290)
	394.889.741.070	443.135.409.908

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm 4.044.890.033 VND.

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí kiểm tu	18.811.321.320	24.684.370.762
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.250.026.515	480.361.696
Chi phí bảo trì điện lưới	1.192.574.714	1.130.714.808
Trợ giá ngọn mía giống, phân bón cho nông dân	1.772.584.328	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản CĐ chờ phân bổ	345.013.766	665.904.851
Chi phí hỗ trợ cày sâu, thâm canh mía	-	19.935.723.486
Chi phí chờ phân bổ tại T tâm công nghệ cao	3.348.474.373	-
Chi phí đào tạo nghiên cứu khoa học	388.145.353	-
Chi phí vận chuyển	-	748.224.164
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.175.702.765	4.261.294.805
	30.283.843.134	51.906.594.572

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.979.828	21.979.828
Thuế thu nhập cá nhân	12.999.997	
	34.979.825	21.979.828

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.374.416	2.301.211
Tạm ứng	1.595.832.510	2.564.684.361
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	22.950.858.701
	1.600.206.926	25.517.844.273

11 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền đầu tư trồng cao su phải thu các đội	67.654.142	180.230.801
Phải thu tiền đầu tư dự án tưới nước nhỏ giọt	8,849,162,575	
- Nông trường Thống Nhất	977,681,544	977.681.544
- Nông trường Sông Âm	772.521.113	772.521.113
- Phải thu dự án tưới nước nhỏ giọt các chủ hợp đồng mía	2.919.412.049	2.919.412.049
- Trung tâm Công nghệ cao	4.179.547.869	545.767.443
	8.916.816.717	5.395.612.950

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1.

13 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	16.370.199.434	9.066.479.718	25.436.679.152
Số tăng trong năm	6.024.588.000	-	6.024.588.000
- Mua TSCĐ trong năm	1.974.588.000	-	1.974.588.000
- Tăng do phân loại lại từ TSCĐ Hữu hình	4.050.000.000	-	4.050.000.000
Số giảm trong năm	(4.130.968.820)	(34.000.000)	(4.164.968.820)
- Giảm do không hợp nhất công ty đã thoái vốn trong kỳ	(55.160.820)	(34.000.000)	(89.160.820)
- Giảm do góp vốn bằng tài sản	(4.050.000.000)		(4.050.000.000)
- Giảm khác	(25.808.000)	-	(25.808.000)
Số dư cuối năm	18.263.818.614	9.032.479.718	27.296.298.332
Giá trị hao mòn lũy kế			

Số dư đầu năm	817.479.382	6.390.172.229	7.207.651.611
Số tăng trong năm	3.633.765.996	781.376.921	4.415.142.917
- Khấu hao TSCĐ trong năm	604.937.855	781.376.921	1.386.314.776
- Tăng do phân loại lại từ TSCĐ Hữu hình	3.028.828.141		3.028.828.141
Giảm trong năm	(3.054.636.141)	(34.000.000)	(3.088.636.141)
- Giảm do không hợp nhất công ty đã thoái vốn trong kỳ	-	(34.000.000)	(34.000.000)
- Giảm do góp vốn bằng tài sản	(3.028.828.141)	-	(3.028.828.141)
- Giảm khác	(25.808.000)	-	(25.808.000)
Số dư cuối năm	1.396.609.237	7.137.549.150	8.534.158.387
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.552.720.052	2.676.307.489	18.229.027.541
Tại ngày cuối năm	16.867.209.377	1.894.930.568	18.762.139.945

14 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Khách sạn Lam Sơn (*)	25.149.004.932	24.147.185.180
- Dự án nghiên cứu khoa học Rotocult	-	116.564.448
- Dự án khu nhà làm việc, nhà ở tại Mai Dịch-Hà Nội (***)	21.797.550.713	21.318.436.165
- Dự án sử dụng bã mía làm nguyên liệu phát điện (ii)	-	238.696.484.960
- Dự án Dịch hèm cô đặc	-	510.654.400
- Dự án kho bã	-	3.764.316.842
- Dự án nhà máy gạch Tuynel	10.132.006.131	6.190.245.721
- Văn phòng Phân bón Lam Sơn		1.425.965.661
- Dự án đầu tư văn phòng giao dịch tại Bá Thước	4.763.030.408	3.607.815.808
- Dự án Trung tâm công nghệ cao (**)	16.182.302.204	8.336.545.039
- Các công trình khác	2.351.925.064	1.753.555.910
	80.375.819.452	626.443.019.289

(*) Dự án khách sạn Lam Sơn được thực hiện theo NQ ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP Mía đường Lam Sơn năm 2010 và Quyết định số 413 QĐ/ĐLS-KH ngày 06/10/2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình khách sạn Lam Sơn tại Thị xã Sầm Sơn, với tổng giá trị đầu tư dự án là 62,7 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2013 dự án đang tạm ngừng lại việc thi công do Công ty có chủ trương tập trung vốn cho lĩnh vực mía đường;

(**) Dự án trung tâm công nghệ cao Lam sơn được thực hiện đầu tư theo giấy phép đầu tư năm 2013 của Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hóa. Dự kiến đến năm 2015 tổng thể dự án mới được hoàn thành. Đến 31/12/2013 dự án đã hoàn thành giai đoạn 1, và đang tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của dự án

(***) Dự án khu nhà làm việc, nhà ở tại Mai Dịch, Hà Nội đang trong giai đoạn xây thô. Đến thời điểm 31/12/2013 dự án đang tạm ngừng lại việc thi công do Công ty có chủ trương tập trung vốn cho lĩnh vực mía đường.

15 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	19.700.864.578	20.404.470.756
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	4.179.236.092	4.399.877.775
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam-Thụy Điển		147.291.707
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	15.521.628.486	15.857.301.274
Đầu tư dài hạn khác	31.805.875.202	49.613.198.183
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.408.844.841)
	51.506.739.780	79.401.692.258

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	Thanh Hóa	45,66%	45,66%	Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, lữ hành
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Hà Nội	38,39%	38,39%	Chưng cất, pha chế các loại rượu
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân (*)	Thanh Hóa	40,50%	41,59%	Trồng cây cao su, mía, cây lâm nghiệp

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty CP ĐTPT Lam Sơn Như Xuân tại thời điểm 31/12/2013 được xác định theo vốn góp trực tiếp và gián tiếp thông qua Công ty con là Cty CP Phân bón Lam Sơn.

Đầu tư dài hạn khác

	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2013	31/12/2013	01/01/2013
	%	VND	VND
Cho vay dài hạn		7.162.997.949	8.191.828.930
- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn		562.997.949	1.544.553.930
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn		6.600.000.000	6.600.000.000
- Khác			47.275.000
Đầu tư dài hạn khác		24.642.677.253	41.421.369.253
- Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán con Hồ Việt Nam			-
- Cổ phiếu MBLand		900.000.000	900.000.000
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (*)		2.314.200.000	23.142.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	16,33%	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn			1.900.000.000
- Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh	17,44%	6.152.177.253	5.179.854.253
- Công ty Cổ phần Du lịch & Thương mại Lam Sơn (***)	10,00%	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà (****)	18,97%	2.276.500.000	
- Công ty Cổ phần Bao bì Lam Sơn			299.515.000

(*) Bộ Tài chính đã chấp thuận để Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông giảm vốn điều lệ theo phương án điều chỉnh theo tỷ lệ 10 cổ phần cũ bằng 01 cổ phần mới, theo đó giá trị phần vốn góp của Công ty CP Mía đường Lam Sơn đã giảm từ 23.142.000.000 VND xuống còn 2.314.200.000 VND;

(**) Thực hiện nghị quyết số 95 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 28/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Vận tải Lam Sơn, ngày 30/03/2013 Công ty CP Mía đường Lam Sơn đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2013/HĐCNCP với Công ty CP Vận tải Lam Sơn về việc chuyển nhượng 19.000 CP mệnh giá 100.000 VND/CP với giá chuyển nhượng là 100.000 VND/CP;

(***) Thực hiện nghị quyết số 939 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 31/12/2012 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thành lập Công ty CP Du lịch và Thương mại Lam Sơn. Theo đó, Công ty CP mía đường Lam Sơn góp 3 tỷ (chiếm 10% Vốn điều lệ), các tổ chức và cá nhân khác góp 27 tỷ (chiếm 90% Vốn điều lệ). Đến thời điểm 31/12/2013, công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đã góp vốn bằng giá trị tài sản cố định là khu đất, mặt bằng, và tài sản trên đất là nhà nghỉ Lam Sơn tại Thị xã Sầm Sơn với giá trị được đánh giá là 3 tỷ đồng, các đối tác khác đã thực hiện cam kết góp vốn là 4,655 tỷ đồng và đang tạm thời chuyển trực tiếp vào Tài khoản của Cty CP Mía đường Lam Sơn (xem thêm tại Thuyết minh 20);

(****) Thực hiện nghị quyết số 96 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 05/04/2013 của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty CP Mía đường Lam Sơn đã thành lập công ty CP Thương mại Lam Hà với tư cách là cổ đông sáng lập. Công ty CP Thương mại Lam Hà có vốn điều lệ là 12 tỷ VND. Công ty CP Mía đường Lam Sơn góp vốn với số tiền 2.276.500.000 VND (chiếm 18,97% vốn điều lệ) bằng tài sản của công ty. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty CP Thương mại Lam Hà là kinh doanh các sản phẩm đường.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.528.812.962	13.306.644.730
Số tăng trong kỳ	4.227.172.438	11.354.057.473
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(5.677.169.995)	(4.119.169.241)
Giảm khác	(9.362.579)	(12.720.000)
Số dư cuối kỳ	19.069.452.826	20.528.812.962
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thuê đất (*)	13.707.616.108	14.787.369.358
Dự án tưới nước Netafin	960.124.461	2.286.315.517
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	860.773.856	141.985.217
Chi phí quy hoạch sử dụng đất	1.391.000.091	2.158.250.705
Chi phí cày đất trồng mía	453.510.603	971.447.920
Chi phí phân bón	234.547.347	-
TSCĐ chuyển thành CCDC chờ phân bổ	930.023.409	-
Chi phí ngọn giống mía	421.676.661	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	110.180.289	183.444.245
	19.069.452.826	20.528.812.962

(*) Chi phí thuê đất tại các khu đất đồi phía Nam diện tích 13.010 m², khu đất kề Nhà máy đường số 2 diện tích 16.290 m², khu đất phía Bắc nhà máy đường số 2 diện tích 15.745 m², khu đất thâu của UBND Thị trấn Lam Sơn và xã Xuân Bái diện tích 4.682 m² và 2.735 m², khu đất tại bãi Xã Xuân PhúThời gian thuê đất là từ 5 đến 50 năm, công ty thực hiện phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê đất. Ngoài ra

còn có chi phí thuê đất của nông dân tại Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn trong thời gian 10 năm để thực hiện trồng cây mía.

17 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng	393.869.234.020	739.144.160.972
- Ngân hàng ANZ Việt Nam		4.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB - CN Thanh hóa	20.000.000.000	26.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thanh Hóa	281.352.484.020	554.734.841.144
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thanh Hóa	86.700.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.500.000.000	37.117.916.715
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Hóa		98.550.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lam Sơn	2.316.750.000	2.843.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa		15.198.403.113
- Vay đối tượng khác	800.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	2.000.000.000
	396.669.234.020	741.144.160.972

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn: Xem chi tiết Phụ lục 2.

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.765.415.049	5.404.235.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.036.842.205	11.547.262.554
Thuế thu nhập cá nhân	25.406.062	368.210.193
Thuế tài nguyên	10.719.996	57.709.615
Các loại thuế khác		600.771.725
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.657.140	481.618.811
	10.846.040.452	18.459.808.498

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cước vận chuyển phải trả		311.471.116
Trích trước chi phí kiểm toán quyết toán dự án nhà máy điện	478.300.000	-
Chi phí phải trả Dự án NM điện năng lượng tái tạo công suất 12,5MW	9.088.913.882	
Chi phí bảo vệ vụ mía	10.000.000	

Chi phí thu hoạch mía	106.560.320	
Chi phí sửa chữa tài sản		23.401.940
Chi phí lãi vay phải trả	6.513.404.704	8.565.808.634
Chi phí phải trả khác	312.623.466	118.489.637
	16.509.802.372	9.019.171.327

20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.175.541.257	1.990.868.365
Bảo hiểm xã hội	536.004.706	2.872.418.226
Bảo hiểm y tế	-	1.932.037
Bảo hiểm thất nghiệp	-	823.410
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.538.178.709	82.269.707.473
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.343.441.300</i>	<i>51.295.927.783</i>
- <i>Quỹ của Công nhân viên góp từ lương</i>	<i>14.833.319.073</i>	<i>14.833.319.073</i>
- <i>Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận</i>	<i>8.359.944.049</i>	<i>8.359.944.049</i>
- <i>Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động</i>	<i>850.000.000</i>	<i>860.000.000</i>
- <i>Quỹ dự phòng rủi ro</i>	<i>452.925.140</i>	-
- <i>Lãi vay phải trả ngân hàng đối với phần vốn cho nông dân vay trồng mía</i>	<i>213.285.287</i>	-
- <i>Phải trả dự án Rotocult</i>	<i>2.178.930.000</i>	-
- <i>Phải trả tiền đền bù</i>	-	<i>1.018.002.221</i>
- <i>Phải trả tiền mủ cao su</i>	-	<i>534.108.320</i>
- <i>Phải trả tiền thuê khoán đối với các máy cơ giới thuê ngoài</i>	<i>442.112.820</i>	<i>659.893.534</i>
- <i>Phải trả tiền ứng trước góp vốn vào Công ty CP Du lịch & Thương mại Lam Sơn</i>	<i>4.655.000.000</i>	-
- <i>Quỹ làm đường</i>	<i>862.319.815</i>	<i>608.044.190</i>
- <i>Quỹ đền bù đất để làm đường</i>	-	<i>2.119.026.185</i>
- <i>Phải trả tiền đền bù GPMB khu Công nghệ cao Lam Sơn</i>	<i>1.049.137.100</i>	-
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.297.764.125</i>	<i>1.981.442.118</i>
	39.249.724.672	87.135.749.511

21 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay không tính lãi	756.320.000	438.000.000
Phải trả kho bạc nhà nước dự án 327	343.100.000	1.409.925.000
Phải trả tiền đặt cọc		339.000.000
Quỹ dự phòng thiên tai	661.568.619	661.568.619
Phải trả khác		3.000.000
	1.760.988.619	2.851.493.619

22 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng		100.236.771.000
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa		98.436.771.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa		1.800.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	200.000.000.000	200.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	200.000.000.000	200.000.000.000
	200.000.000.000	300.236.771.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản trái phiếu phát hành:

Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng tại ngày 10/10/2012 với số lượng 2.000.000 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu, giá phát hành là 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất cố định 12%/năm. Toàn bộ trái phiếu bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu tại ngày 10/10/2014 theo tỷ lệ 01 trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

23 . QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	47.025.014.732	47.880.236.884
- Trích từ năm 2010	272.533.204	272.533.204
- Trích từ năm 2011	46.752.481.528	47.607.703.680
	47.025.014.732	47.880.236.884

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 3.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 123 NQ/2013/ĐLS-ĐHĐCD ngày 25/04/2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế của công ty mẹ		34.504.721.836
Trích lập Quỹ ĐTPT phần được giảm thuế của năm 2012		3.862.540.487
Phần lợi nhuận được phân phối (đã trừ phần được giảm thuế TNDN)		30.642.181.349
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	5,00%	1.532.109.067
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10,00%	3.064.218.135
Trích Quỹ khen thưởng	5,00%	1.532.109.067
Trích Quỹ phúc lợi	5,00%	1.532.109.067
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 450 đ)	4,50%	22.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối để lại		481.636.012

(*) Đến thời điểm 31/12/2013 do chưa có thông báo chia cổ tức của HĐQT và thông báo chốt quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán nên cổ tức phải trả vẫn đang theo dõi trên khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn - Thanh Hóa	95.688.900.000	19,14	95.688.900.000	19,14%
Công ty CP Đầu tư phát triển Tân Thành Đạt	62.450.000.000	12,49	52.438.370.000	10,49%
Vốn góp của các đối tượng khác	341.861.100.000	68,37	351.872.730.000	70,37%
	500.000.000.000	100,00	500.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		125.000.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	22.500.000.000	

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	491.067.590.288	480.452.896.399
Quỹ dự phòng tài chính	62.856.684.456	61.310.648.245
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.182.845	133.182.845

25 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	487.053.793	156.491.021
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	1.062.903.000	448.338.886
Chi sự nghiệp (*)	(1.143.694.400)	(117.776.114)
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	406.262.393	487.053.793

Nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho các Dự án Sản xuất phụ gia từ dịch hèm, Dự án hỗ trợ trồng rau quả có nguồn gốc ôn đới và Dự án nâng cao chất lượng một số giống cây trồng vật nuôi.

26 . NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	159.122.307	352.116.110
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	(75.787.643)	(192.993.803)
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ cuối năm	83.334.664	159.122.307

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.822.604.513.432	1.857.656.757.247
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.554.622.711	32.625.508.980
	1.848.159.136.143	1.890.282.266.227

28 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	755.259.522	1.400.241.585
Giảm giá hàng bán	14.978.181	7.020.440
	770.237.703	1.407.262.025

29 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	1.821.834.275.729	1.856.249.495.222
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	25.554.622.711	32.625.508.980
	1.847.388.898.440	1.888.875.004.202

30 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	1.613.436.923.947	1.688.571.131.845
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.240.239.228	20.223.856.666
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.044.890.033)	4.021.473.260
	1.621.632.273.142	1.712.816.461.771

31 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.045.904.625	4.710.594.909
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.105.212.500	59.903.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	124.856.680	892.116.492
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.636.069	1.576.864
Lãi bán hàng trả chậm	1.173.593.985	1.190.184.560
Doanh thu hoạt động tài chính khác	614.127.000	993.183.458
	5.065.330.859	7.847.559.283

32 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	86.529.077.787	96.737.935.814
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư NH, DH	11.969.016.840	24.851.201.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	255.725.371	350.352.530
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư CK	-	26.523.826
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản ĐT	(121.660.781)	(27.544.247.875)
Chi phí tài chính khác	200.000.000	230.000.000
	98.832.159.216	94.651.765.608

33 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	886.978.180	670.489.176
Chi phí nhân công	6.760.664.001	6.262.360.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.145.406.407	1.260.459.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.526.095.341	11.688.242.103
Chi phí khác bằng tiền	2.080.141.154	3.339.214.076
	22.399.285.083	23.220.765.023

34 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	827.038.592	1.591.078.800
Chi phí nhân công	26.721.479.383	24.703.587.487
Chi phí đồ dùng văn phòng	941.363.430	99.484.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.075.818.003	5.419.910.918
Thuế, phí, lệ phí	958.747.740	1.538.393.178
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.270.842.337	2.622.336.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.859.344.498	7.192.399.150
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học CN	-	(46.020.507.893)
Phân bổ lợi thế thương mại	1.581.955.384	2.125.285.383
Chi phí khác bằng tiền	10.540.130.129	12.792.416.051
	52.776.719.496	12.064.384.641

35 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.241.672.779	80.720.000
Thu nhập từ bán sắt thép phế liệu	2.806.400.000	-
Thu nhập từ cón thừa sau kiểm kê ngày 30/9/2013	85.391.070	-
Thu lại quỹ trợ cấp mất việc làm đã chi năm 2012	737.899.732	-
Thu nhập từ nhận tiền từ cơ quan BHXH chi trả cho người lao động	225.937.300	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.398.898.236
Thu nhập khác	881.072.263	1.074.826.646
	9.978.373.144	2.554.444.882

36 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Phạt và truy thu thuế	-	1.499.819.040
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	87.559.433
Tiền lãi chậm nộp BHXH	178.131.929	-
Chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	53.537.037
Giá trị còn lại của TSCĐ đem thanh lý	6.658.770.836	-
Chi hỗ trợ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng	198.574.110	-
Chi phí thiệt hại mặt rĩ	2.504.919.344	-
Chi phí hỗ trợ tại nhà máy đường	215.160.000	-
Chi phí do chi trả cho người lao động từ cơ quan BHXH chi trả	225.937.300	-
Phạt và truy thu thuế	145.749.936	-
Chi phí khác	664.347.717	648.369.491
	10.791.591.172	2.289.285.001

37 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**37.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		
Thuế TNDN (thuế suất phổ thông 25%)	13.766.775.430	14.814.563.267
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	12.742.924.808	13.407.759.465
- Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	420.570.513	951.625.887
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	173.565.724	118.252.822
- Công ty Cổ phần Cơ giới NN Lam Sơn	3.279.773	-
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Lam Sơn	9.461.059	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	416.973.553	336.925.093
 Thuế TNDN được miễn giảm		(4.284.581.628)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn		(3.862.540.487)
- Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn		(285.487.766)
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng		(35.475.847)
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn		(101.077.528)
 Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		(348.996.214)
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng		-
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng		8.316.143
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn		(357.312.357)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.766.775.430	10.180.985.425
 Điều chỉnh bổ sung thuế TNDN theo biên bản thanh tra thuế		1.343.954.358
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	11.547.262.554	16.508.991.298
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(20.960.742.026)	(13.147.668.527)
- Giảm thuế phải nộp trên báo cáo hợp nhất do không hợp nhất báo cáo năm 2013 của Công ty CP Giấy Lam Sơn	(316.453.753)	
Thuế TNDN đã bù trừ với thuế GTGT được hoàn trong năm		(3.339.000.000)
 Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	4.036.842.205	11.547.262.554

37.2 Thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu kỳ	254.691.656	79.958.785
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	54.526.473	254.691.656
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(254.691.656)	(79.958.785)

Số dư cuối kỳ	54.526.473	254.691.656
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ		3.710.162.592
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả của khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	395.548	-
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		(3.700.876.226)
Số dư cuối kỳ	395.548	9.286.366
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kinh doanh		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả của khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	395.548	
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	254.691.656	79.958.785
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(54.526.473)	(254.691.656)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)	(9.286.366)	(3.700.876.226)
	191.274.365	(3.875.609.097)
38 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:		
	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	40.444.814.181	35.944.464.686
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.444.814.181	35.944.464.686
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	809	719
39 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ		
	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa thương mại		92.785.350.270
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.402.794.111.182	1.462.904.158.175
Chi phí nhân công	112.317.141.458	74.546.664.255
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.967.921.455	81.882.302.632
Chi phí kinh doanh điện	5.519.474.567	5.796.108.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	103.574.683.949	66.343.411.557
Thuế, phí và lệ phí	958.747.740	1.095.028.858
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.044.890.033)	4.021.473.260
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.270.842.337	2.622.336.828
Trích/(Hoàn nhập) quỹ phát triển khoa học công nghệ		(46.020.507.893)
Phân bổ lợi thế thương mại	1.581.955.384	2.125.285.383
	1.738.087.190.318	1.748.101.611.435

40 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.984.476.131		127.707.687.320	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.302.807.383	(2.481.466.077)	124.115.024.897	(5.667.903.515)
Các khoản cho vay	19.216.752.785		17.646.967.819	(7.038.000.000)
Đầu tư dài hạn	24.642.877.253		41.421.369.253	(8.408.844.841)
	155.146.913.552	(2.481.466.077)	310.891.049.289	(21.114.748.356)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay và nợ	596.669.234.020	1.041.380.931.972
Phải trả người bán, phải trả khác	109.260.354.471	205.584.336.840
Chi phí phải trả	16.509.802.372	9.019.171.327
	722.439.390.863	1.255.984.440.139

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và tương đương tiền	22.984.476.131			22.984.476.131
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.927.024.589	8.894.316.717		85.821.341.306
Các khoản cho vay	12.053.754.836	7.162.997.949		19.216.752.785
Đầu tư dài hạn		24.642.877.253		24.642.877.253
Tổng	111.965.255.556	40.700.191.919		152.665.447.475
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và tương đương tiền	127.707.687.320			127.707.687.320
Phải thu khách hàng, phải thu khác	113.051.508.432	5.395.612.950		118.447.121.382
Các khoản cho vay	9.455.138.889	8.191.828.930		17.646.967.819
Đầu tư ngắn hạn	5.385.600.000			5.385.600.000
Đầu tư dài hạn		33.012.524.412		33.012.524.412
Tổng	255.599.934.641	46.599.966.292		302.199.900.933

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	396.669.234.020	200.000.000.000		596.669.234.020
Phải trả người bán, phải trả khác	107.499.365.852	1.760.988.619		109.260.354.471
Chi phí phải trả	16.509.802.372			16.509.802.372
Cộng	520.678.402.244	201.760.988.619		722.439.390.863
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	741.144.160.972	284.300.000.000	15.936.771.000	1.041.380.931.972
Phải trả người bán, phải trả khác	202.732.843.221	2.851.493.619	-	205.584.336.840
Chi phí phải trả	9.019.171.327	-	-	9.019.171.327
Cộng	952.896.175.520	287.151.493.619	15.936.771.000	1.255.984.440.139

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

41 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản bảo lãnh cho một số công ty con, công ty liên kết, hộ nông dân trồng mía trên địa bàn để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa; Ngân hàng TMCP Sacombank - Chi nhánh Thanh Hóa; Ngân hàng TMCP ACB - Chi nhánh Thanh Hóa với tổng hạn mức bảo lãnh là 296 tỷ đồng. Tổng số dư nợ mà các ngân hàng đã giải ngân cho các đối tượng được bảo lãnh tại 31/12/2013 là 154.346.570.000 VND.

42 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 07/02/2014 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đã ban hành nghị quyết số 05/NQ/ĐLS-HĐQT về việc chi trả cổ tức của năm 2012 với mức chi trả là 450 đ/CP; ngày thực hiện chi trả cổ tức là 08/04/2014.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

43 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường. Doanh thu bán đường chiếm 83,91% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Bên cạnh đó Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

44 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn Như Xuân	Công ty liên kết	-	7.420.272.135
Mua nguyên vật liệu			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn Như Xuân	Công ty liên kết	76.357.581.415	27.370.272.819
Lãi vay phải thu trong năm			
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.600.265.549	1.539.947.686

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn Như Xuân	Công ty liên kết	56.222.184.212	36.563.043.332
Phải thu gốc và lãi cho vay			
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	12.053.754.836	9.455.138.889

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	2.125.996.019	1.909.456.287

45 . SỐ LIỆU SO SÁNH

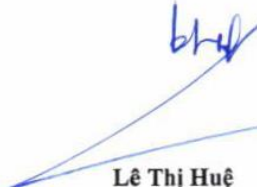
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn
Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	369.644.393.681	1.574.679.925.084	86.848.741.150	26.855.803.249	28.132.019	2.058.056.995.183
Số tăng trong năm	53.089.392.867	283.622.471.550	6.550.630.566	158.784.902	533.390.000	343.954.669.885
- Mua trong năm	-	13.259.696.786	-	147.830.357	200.000.000	13.607.527.143
- Đầu tư XDCB hoàn thành	53.089.392.867	270.362.774.764	6.550.630.566	10.954.545	-	330.013.752.742
- Tăng do phân loại lại					333.390.000	333.390.000
Số giảm trong năm	(29.108.584.525)	(71.968.492.348)	(17.534.307.314)	(4.807.414.607)	(28.132.019)	(123.446.930.813)
- Giảm do góp vốn bằng tài sản (*)	(7.123.333.619)	-	(411.868.173)	(543.329.328)	-	(8.078.531.120)
- Giảm do không hợp nhất công ty đã thoái vốn trong kỳ	(14.318.696.191)	(31.614.673.414)	(2.802.098.842)	(321.918.398)	-	(49.057.386.845)
- Giảm do phân loại lại tài sản	(4.383.390.000)	-	-	-	-	(4.383.390.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.594.607.953)	(36.833.463.381)	(14.257.306.299)	(790.696.813)	(28.132.019)	(53.504.206.465)
- Chuyển sang CCDC	(1.172.022.971)	(3.520.355.553)	(63.034.000)	(3.151.470.068)	-	(7.906.882.592)
- Giảm khác (**)	(516.533.791)	-	-	-	-	(516.533.791)
Số dư cuối năm	393.625.202.023	1.786.333.904.286	75.865.064.402	22.207.173.544	533.390.000	2.278.564.734.255
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	187.769.355.008	686.462.658.394	58.053.201.409	22.230.736.743	16.879.211	954.532.830.765
Số tăng trong năm	16.051.130.321	96.066.405.532	6.154.401.728	1.295.894.286	99.781.047	119.667.612.914
- Khấu hao trong năm	12.698.381.102	96.053.888.972	6.017.066.973	1.295.894.286	937.734	116.066.169.067
- Tăng do phân loại lại tài sản					97.842.717	97.842.717
- Hao mòn TSCĐ hình thành từ Quỹ Phúc lợi	3.287.536.553	1.941.583	137.334.755	-	1.000.596	3.427.813.487
- Hao mòn TSCĐ từ nguồn kinh phí	65.212.666	10.574.977	-	-	-	75.787.643

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa		Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013				
Số giảm trong năm	(15.008.211.856)	(62.172.779.229)	(10.104.972.679)	(3.985.935.390)	(17.816.945)	(91.289.716.099)
- Giảm do góp vốn bằng tài sản (*)	(2.924.255.840)	-	(377.110.597)	(521.834.282)	-	(3.823.200.719)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.590.515.794)	(36.168.036.024)	(8.287.690.102)	(301.413.122)	-	(46.347.655.042)
- Giảm do không hợp nhất công ty đã thoái vốn trong kỳ	(6.351.727.909)	(23.110.819.726)	(1.377.137.980)	(274.925.051)	-	(31.114.610.666)
- Giảm do phân loại lại tài sản	(3.126.670.858)	-	-	-	-	(3.126.670.858)
- Chuyển sang CCDC	(1.015.041.455)	(2.893.923.479)	(63.034.000)	(2.887.762.935)	(17.816.945)	(6.877.578.814)
Số dư cuối năm	188.812.273.473	720.356.284.697	54.102.630.458	19.540.695.639	98.843.313	982.910.727.580
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	181.875.038.673	888.217.266.690	28.795.539.741	4.625.066.506	11.252.808	1.103.524.164.418
Tại ngày cuối năm	204.812.928.550	1.065.977.619.589	21.762.433.944	2.666.477.905	434.546.687	1.295.654.006.675
(*) Trong năm đơn vị đã sử dụng một phần tài sản của đơn vị để đi góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch & Thương mại Lam Sơn, Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà bằng giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình là 4.255.330.401 VND và bằng giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình là 1.021.171.859 VND (chi tiết TM số 13).						
(**): Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định theo quyết toán công trình xây dựng.						
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 719.006.845.021 VND.						

Phụ lục 2: BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng số 407DN117/HĐTD/VIB.2013 ngày 16/04/2013, hạn mức tín dụng là 70 tỷ. Mục đích của khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đường các loại. Thời hạn cho vay được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 08 tháng. Lãi suất thả nổi và áp dụng theo từng thời điểm giải ngân, bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB cộng [biên độ], chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của luật Việt Nam. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp trên cơ sở quản lý dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay và thế chấp các khoản phải thu. Số dư gốc vay tại 31/12/2013 là 20.000.000.000 VND.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa bao gồm hai (02) hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng số 12560005/HĐTD ngày 27/06/2012 và Văn bản sửa đổi, bổ sung với hạn mức tín dụng 500 tỷ đồng. Mục đích vay: sản xuất kinh doanh đường, cồn và các sản phẩm sau đường. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay và thời gian giải ngân là 12 tháng, kể từ ngày 27/06/2012 đến 15/05/2013. Thời hạn cho vay được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 09 tháng. Lãi suất tiền vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ 9 tháng, trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa + biên độ (4,6%/năm). Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp. Số dư gốc vay tại 31/12/2013 là 229.353.682.355 VND;

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12560013/HĐTD ngày 17/12/2012 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa với tổng hạn mức 130.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay từ 17/12/2012 đến 17/12/2013. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ bản cộng biên độ lãi suất 0,4%/năm. Thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ, thời hạn trả nợ lãi vào ngày 04 hàng tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là tài sản của công ty gồm: dây chuyền máy móc thiết bị, máy đào, máy xúc lật, xe ô tô con, toàn bộ nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng của công ty trên đất thuê tại Thôn Đá Dựng - Xã Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa, văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, nhà đất của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 51.998.801.665 VND.

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa bao gồm ba (03) hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số THH.DN.022808103 ngày 28/08/2013 với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa với tổng hạn mức: 80.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay từ 28/08/2013 đến 28/08/2014. Lãi suất cho vay, lãi suất chiết khấu được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể/Thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ hàng xuất khẩu/Thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu. Thời hạn trả nợ gốc được quy định trên mỗi Khế ước nhận nợ/ Thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ hàng xuất khẩu, tối đa không quá 10 tháng. Thời hạn trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ khoản phải thu phát sinh từ các Hợp đồng mua bán hàng giữa bên thế chấp và bên mua hàng. Số dư bộ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 79.700.000.000 VND;

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số THH.DN.01211113 ngày 21/11/2013 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thanh Hóa và Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước. Hạn mức tín dụng là 5.000.000.000 VNĐ. Thời hạn vay 9 tháng từ 25/11/2013 đến 25/08/2014, Lãi suất vay là 9%/năm, 0,75%/tháng và cố định trong 3 tháng, điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng tín chấp và thư bảo lãnh của Công ty CP Mía đường Lam Sơn được lập ngày 04/11/2013. Số dư tại 31/12/2013 là số dư của khế ước nhận nợ số 01/TK 169777099 ngày 25/11/2013, số tiền vay là 2.000.000.000 VNĐ

Hợp đồng tín dụng từng lần số LD1318400071 ngày 04/07/2013, số tiền vay là 5.000.000.000 VNĐ, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 9%/năm trong vòng 3 tháng đầu kể từ ngày ký và điều chỉnh 3 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm dân cư kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ nhưng không thấp hơn 9%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm trả hết nợ là 04/07/2014, lãi sẽ trả vào ngày trả gốc. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền đòi nợ theo Hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu từ vụ 2013-2014 số 16HĐ/ĐLS ký ngày 06/06/2013 giữa Công ty CP Mía đường Lam Sơn và Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 5.000.000.000 VND;

- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa bao gồm hai (02) hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số LD1332600100 ngày 30/11/2013 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa với Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn trồng, chăm sóc mía nguyên liệu. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ theo Hợp đồng đầu tư và trồng mía nguyên liệu vụ 2013 - 2014 số 15HĐ/ĐLS ký ngày 15/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn với Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng. Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2013 là 2.500.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số LD1331900001 ngày 15/11/2013 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Thanh Hóa với Công ty CP NCN Dịch vụ Thương mại Vân Sơn. Số tiền vay: 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm trong 3 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng. Tại thời điểm tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Sacombank điều chỉnh theo quy định 03 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi dân cư kỳ hạn 13 tháng, nhưng không thấp hơn 9%/năm. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn trồng, chăm sóc, thu hoạch mía nguyên liệu. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2013 là: 1.000.000.000 VND;

- (5) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3513LAV-201300155 ngày 11/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lam Sơn với Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng. Khoản vay được sử dụng cho mục đích mua phân bón các loại và nhiên liệu chạy máy gạch Tuynen. Thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm. Khoản vay không dùng tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2013 là 2.316.750.000 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay đối tượng khác

Khoản vay Quỹ khuyến học Mía đường Lam Sơn theo Hợp đồng tiền gửi số 01/HĐ-QKH-LASUCO ngày 17/10/2013 số tiền là 800.000.000 VND, lãi suất tiền gửi là 7%/năm, thời hạn gửi 10 tháng, ngày đáo hạn 18/08/2014. Số dư nợ gốc tại 31/12/2013 là 800.000.000 VND. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản nợ dài hạn đến hạn trả:

Khoản vay Công đoàn - Công ty CP Mía đường Lam Sơn theo Hợp đồng tiền gửi số 02 HĐ/CĐ - Lasuco ngày 01/12/2011 số tiền là 2.000.000.000 VND, lãi suất 15%/ năm, thời hạn gửi là 2 năm. Số dư nợ gốc tại 31/12/2013 là 2.000.000.000 VND. Khoản này đã được tiếp tục gia hạn thêm 2 năm theo Hợp đồng tiền gửi số 02 HĐ/CĐ-Lasuco ngày 01/01/2014 với thời hạn gửi là 2 năm kể từ ngày 01/01/2014, lãi suất là 7,5%/năm, tiền lãi được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa	Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013			

Phụ lục 3 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của CSH		Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND	VND		VND		VND		VND		VND
Số dư đầu kỳ trước	500.000.000.000		180.276.411.784		286.627.141		-	251.355.702.138		42.263.182.070		122.354.932		411.453.794.454		1.385.758.072.519
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước	-		-		-		-	-		-		-		35.944.464.686		35.944.464.686
Tăng khác	-		-		-		-	5.350.768.325		-		10.827.913		-		5.361.596.238
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-	223.746.425.936		19.047.466.175		-		(414.087.272.374)		(171.293.380.263)
Giảm khác	-		-		-		-	-		-		-		(118.778.912)		(118.778.912)
Số dư cuối kỳ trước	500.000.000.000		180.276.411.784		286.627.141		-	480.452.896.399		61.310.648.245		133.182.845		33.192.207.853,71		1.255.651.974.268
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-		-		-		-	-		-		-		40.444.814.181		40.444.814.181
Tăng do hợp nhất báo cáo tài chính	-		-		-		1.052.827	-		-		-		5.308.015.982		5.309.068.809
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-	13.342.654.296		1.783.724.964		-		(16.136.231.689)		(1.009.852.429)
Giảm do thoái vốn công ty con trong năm 2013	-		-		(286.627.141)		-	(68.003.903)		(150.362.011)		-		(6.389.672.814)		(6.894.665.870)
Giảm do hợp nhất báo cáo tài chính	-		-		-		(1.052.827)	(2.659.956.504)		(87.326.742)		-		(2.226.631.254)		(4.974.967.326)
Số dư cuối kỳ này	500.000.000.000		180.276.411.784		-		-	491.067.590.288		62.856.684.456		133.182.845		54.192.502.260		1.288.526.371.633



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Thị trấn Lam Sơn – Thọ Xuân – Thanh Hóa

Điện thoại: (+84) 037 834 091

Fax: (+84) 037 834 092

Email: info@lasuco.com.vn

Website: www.lasuco.com.vn ; www.lasuco.vn